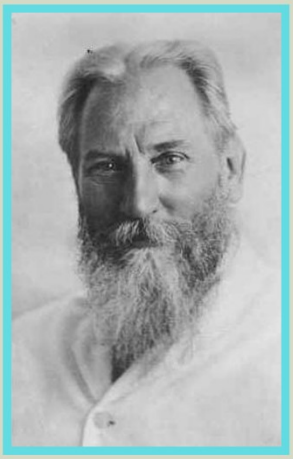
C.W. Leadbeater



THÔNG THIÊN HỌC KHÁI LƯỢC

An Outline of Theosophy

minhtrietmoi.com

Table of Contents

Table of Contents....2
HOW IS IT KNOWN....6
LÀM SAO ĐỂ BIẾT ĐƯỢC....6
THE METHOD OF OBSERVATION....8
PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT....8
GENERAL PRINCIPLES....10
CÁC NGUYÊN LÝ CHUNG....10
THE THREE GREAT TRUTHS....12
BA CHÂN LÝ VĨ ĐẠI....12
ADVANTAGES GAINED FROM THIS KNOWLEDGE....14
NHỮNG LỢI ÍCH CÓ ĐƯỢC TỪ KIẾN THỨC NÀY....14
THE DEITY....16
THƯỢNG ĐẾ....16
THE DIVINE SCHEME....19
THIÊN CƠ....19
THE CONSTITUTION OF MAN....21
CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI....21
THE TRUE MAN....25
CON NGƯỜI THỰC SỰ....25
REINCARNATION....27
SỰ TÁI LÂM PHÀM....27
THE WIDER OUTLOOK....33
TẦM NHÌN RỘNG LỚN HƠN....33
DEATH....36
CÁI CHẾT....36
MAN'S PAST AND FUTURE....44
QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI CỦA CON NGƯỜI....44
CAUSE AND EFFECT....48
NHÂN VÀ QUẢ....48

WHAT THEOSOPHY DOES FOR US.....53
THÔNG THIÊN HỌC LÀM GÌ CHO CHÚNG TA.....53

An Outline of Theosophy

by

C. W. Leadbeater

Theosophical Publishing House, Adyar

WHAT IT IS

For many a year men have been discussing arguing, enquiring about certain great basic truths – about the existence and the Nature of God, about His relation to man, and about the past and future of humanity. So radically have they differed on these points, and so bitterly have they assailed and ridiculed one another's beliefs, that there has come to be a firmly-rooted popular opinion that with regard to all these matters there is no certainty available – nothing but vague speculation amid a cloud of unsound deductions drawn from ill-established premises. And this in spite of the very definite, though frequently incredible, assertions made on these subjects on behalf of the various religions.

This popular opinion, though not unnatural under the circumstances, is entirely untrue. There are definite facts available – plenty of them. Theosophy gives them to us; but it offers them not (as religions do) as matters of faith, but as subjects for study. It is itself not a religion, but it bears to religions the same relation as did the ancient philosophies. It does not contradict them, but explains them. Whatever in any of them is unreasonable, it rejects as necessarily unworthy of the Deity and derogatory to Him; whatever is reasonable in each and all of them it takes up, explains and emphasises, and thus combines all into one harmonious whole.

It holds that truth on all these most important points is attainable – that there is a great body of knowledge about them already existing. It considers all the various religions as

THÔNG THIÊN HỌC LÀ GÌ

Trong nhiều năm qua, con người đã thảo luận, tranh luận và tìm hiểu về một số chân lý cơ bản vĩ đại – về sự tồn tại và Bản chất của Thượng đế, về mối quan hệ của Ngài với con người, và về quá khứ cũng như tương lai của nhân loại. Họ đã khác biệt nhau một cách căn bản về những điểm này, đồng thời công kích và nhạo báng niềm tin của nhau một cách cay đắng đến mức nảy sinh một quan điểm phổ biến đã bén rễ sâu sắc rằng, đối với tất cả những vấn đề này, không có sự chắc chắn nào khả dụng – chẳng có gì ngoài những suy đoán mơ hồ giữa một đám mây của những suy luận thiếu căn cứ được rút ra từ những tiền đề không xác thực. Và điều này xảy ra bất chấp những khẳng định rất rõ ràng, dù thường là khó tin, được đưa ra về những chủ đề này thay mặt cho các tôn giáo khác nhau.

Quan điểm phổ biến này, dù không phải là không tự nhiên trong hoàn cảnh đó, hoàn toàn sai lầm. Có những sự thật xác định khả dụng – rất nhiều sự thật như thế. Thông Thiên Học mang chúng đến cho chúng ta; nhưng nó không cung cấp chúng (như các tôn giáo vẫn làm) như những vấn đề của đức tin, mà như những chủ đề để nghiên cứu. Bản thân nó không phải là một tôn giáo, nhưng nó có mối quan hệ với các tôn giáo giống như các triết học cổ đại ngày xưa. Nó không phủ nhận các tôn giáo mà giải thích chúng. Bất cứ điều gì trong số đó là bất hợp lý, nó sẽ bác bỏ vì nhất thiết không xứng đáng với Thượng đế và làm giảm giá trị của Ngài; bất cứ điều gì hợp lý trong mỗi và tất cả các tôn giáo, nó sẽ tiếp nhận, giải thích và nhấn mạnh, và do đó kết hợp tất cả thành một chỉnh thể hài hòa.

Thông Thiên Học cho rằng có thể đạt được chân lý về tất cả những điểm quan trọng nhất này – rằng đã tồn tại một kho tàng kiến thức đồ sộ về chúng. Nó xem tất cả các tôn giáo khác

statements of that truth from different points of view; since, though they differ much as to nomenclature and as to articles of belief, they all agree as to the only matter which are of real importance – the kind of life which a good man should lead, the qualities which he must develop, the vices which he must avoid. On these practical points the teaching is identical in Hinduism and Buddhism, in Zoroasterianism and Muhammadanism, in Judaism and Christianity.

Theosophy may be described to the outside world as an intelligent theory of the universe. Yet for those who have studied it, it is not theory, but fact; for it is a definite science, capable of being studied, and its teachings are verifiable by investigation and experiment for those who are willing to take the trouble to qualify themselves for such enquiry. It is a statement of the great facts of Nature so far as they are known – an outline of the scheme of our corner of the universe.

HOW IS IT KNOWN

How did this scheme become known, some may ask; by whom was it discovered? We cannot speak of it as discovered, for in truth it has always been known to mankind, though sometimes temporarily forgotten in certain parts of the world. There has always existed a certain body of highly developed men – men not of any one nation, but of all the advanced nations – who have held it in its fullness; and there has always been pupils of these men, who were specially studying it, while its broad principles have always been known in the outer world. This body of highly-developed men exists now, as in past ages, and Theosophical teaching is published to the Western world at their instigation, and

nhau như những trình bày về chân lý đó từ các góc nhìn khác nhau; bởi lẽ, dù chúng khác nhau nhiều về thuật ngữ và các điều khoản đức tin, chúng đều đồng ý về những vấn đề duy nhất thực sự quan trọng – loại đời sống mà một người tốt nên dẫn dắt, những phẩm tính mà y phải phát triển, những thói hư tật xấu mà y phải tránh. Về những điểm thực hành này, giáo lý trong Ấn Độ giáo và Phật giáo, trong Hỏa giáo và Hồi giáo, trong Do Thái giáo và Kitô giáo là đồng nhất.

Thông Thiên Học có thể được mô tả với thế giới bên ngoài như một lý thuyết thông tuệ về vũ trụ. Tuy nhiên, đối với những người đã nghiên cứu nó, đây không phải là lý thuyết, mà là sự thật; vì nó là một khoa học xác định, có khả năng được nghiên cứu, và các giáo lý của nó có thể kiểm chứng được bằng sự khảo sát và thực nghiệm đối với những ai sẵn lòng bỏ công sức để rèn luyện bản thân cho cuộc tìm kiếm đó. Nó là một bản trình bày về các sự thật vĩ đại của Tự nhiên trong chừng mực chúng được biết đến – một phác thảo về hệ thống trong góc vũ trụ của chúng ta.

LÀM SAO ĐỂ BIẾT ĐƯỢC

Làm thế nào mà hệ thống này được biết đến, một số người có thể hỏi; nó được khám phá bởi ai? Chúng ta không thể nói về nó như một sự khám phá, vì thực tế nó luôn được nhân loại biết đến, dù đôi khi tạm thời bị lãng quên ở một số nơi trên thế giới. Luôn luôn tồn tại một nhóm nhất định gồm những người phát triển cao – những người không thuộc về bất kỳ một quốc gia riêng lẻ nào, mà thuộc về tất cả các quốc gia tiên tiến – những người đã nắm giữ nó một cách trọn vẹn; và luôn có những học trò của những người này, những người đang đặc biệt nghiên cứu nó, trong khi các nguyên lý rộng lớn của nó luôn được biết đến ở thế giới bên ngoài. Nhóm những người phát triển cao này hiện đang tồn tại, cũng như trong các thời

through a few of their pupils.

đại đã qua, và giáo lý Thông Thiên Học được xuất bản cho thế giới phương Tây theo sự thúc giục của các Ngài, và thông qua một vài đệ tử của các Ngài.

Those who are ignorant have sometimes clamorously insisted that, if this be so, these truths ought to have been published long ago; and most unjustly they accuse the possessors of such knowledge of undue reticence in withholding them from the world at large. They forget that all who really sought these truths have always been able to find them, and that it is only now that we are in the Western world are truly beginning to seek.

Những người thiếu hiểu biết đôi khi đã lớn tiếng khăng khăng rằng, nếu đúng như vậy, những chân lý này lẽ ra phải được công bố từ lâu; và họ cáo buộc những người sở hữu kiến thức đó một cách bất công về sự dè dặt quá mức khi giữ kín chúng với thế giới rộng lớn. Họ quên rằng tất cả những ai thực sự tìm kiếm những chân lý này đều luôn có thể tìm thấy chúng, và chỉ đến bây giờ chúng ta ở thế giới phương Tây mới thực sự bắt đầu tìm kiếm.

For many centuries Europe was content to live, for the most part, in the grossest superstition; and when reaction at last set in from the absurdity and bigotry of those beliefs, it brought a period of atheism, which was just as conceited and bigoted in another direction. So that it is really only now that some of the humbler and more reasonable of our people are beginning to admit that they know nothing, and to enquire whether there is not real information available somewhere.

Trong nhiều thế kỷ, châu Âu đã hài lòng với việc sống, phần lớn, trong sự mê tín thô thiển nhất; và khi phản ứng cuối cùng nảy sinh từ sự vô lý và cố chấp của những niềm tin đó, nó đã mang lại một thời kỳ vô thần, vốn cũng kiêu ngạo và cố chấp theo một hướng khác. Vì vậy, thực sự chỉ đến bây giờ, một số người khiêm tốn và biết điều hơn trong số chúng ta mới bắt đầu thừa nhận rằng họ không biết gì, và tìm hiểu xem liệu có thông tin thực sự nào khả dụng ở đâu đó hay không.

Though these reasonable enquirers are as yet a small minority, the Theosophical Society has been founded in order to draw them together, and its books are put before the public so that those who will, may read, mark, learn, and inwardly digest these great truths. Its mission is not to force its teaching upon reluctant minds, but simply to offer it, so that those may take it who feel the need for it. We are not in the least under the delusion of the poor arrogant missionary, who dares to condemn to an unpleasant eternity every one who will not pronounce his little provincial shibboleth; we are perfectly aware that all will at last be well for those who cannot as yet see their way to accept the truth, as well as for

Mặc dù những người tìm kiếm biết điều này hiện vẫn là một thiểu số nhỏ, Hội Thông Thiên Học đã được thành lập để thu hút họ lại với nhau, và các cuốn sách của Hội được đưa ra trước công chúng để những ai muốn có thể đọc, ghi nhớ, học hỏi và thấu hiểu sâu sắc những chân lý vĩ đại này. Sứ mệnh của Hội không phải là ép buộc giáo lý của mình lên những trí tuệ miễn cưỡng, mà chỉ đơn giản là cung cấp nó, để những ai cảm thấy cần có thể tiếp nhận. Chúng ta hoàn toàn không mắc phải ảo tưởng của người truyền giáo kiêu ngạo tội nghiệp, kẻ dám kết án một cõi vĩnh hằng khó chịu cho bất kỳ ai không chịu phát âm khẩu hiệu địa phương nhỏ bé của mình; chúng ta nhận thức hoàn hảo rằng cuối cùng tất cả sẽ

those who receive it with avidity.

tốt đẹp cho cả những người chưa thể thấy con đường để chấp nhận chân lý, cũng như cho những người đón nhận nó một cách khao khát.

But the knowledge of this truth has, for us and for thousands of others, made life easier to bear and death easier to face; and it is simply the wish to share these benefits with our fellow men that urges us to devote ourselves to writing and lecturing on these subjects. The broad outlines of the great truths have been widely known in the world for thousands of years, and are so known in the present day. It is only we in the West who, in our incredible self-sufficiency, have remained ignorant of them, and scoffed at any fragment of them which may have come in our way.

Nhưng đối với chúng ta và hàng ngàn người khác, kiến thức về chân lý này đã làm cho cuộc sống dễ chịu đựng hơn và cái chết dễ đối mặt hơn; và chính mong muốn chia sẻ những lợi ích này với đồng loại đã thúc giục chúng ta cống hiến hết mình cho việc viết lách và thuyết giảng về những chủ đề này. Những phác thảo rộng lớn của các chân lý vĩ đại đã được biết đến rộng rãi trên thế giới trong hàng ngàn năm, và vẫn được biết đến như vậy trong thời đại ngày nay. Chỉ có chúng ta ở phương Tây, trong sự tự mãn khó tin của mình, là vẫn còn thiếu hiểu biết về chúng, và chế giễu bất kỳ mảnh vụn nào của chúng có thể đã tình cờ đến với mình.

As in the case of any other science, so in this science of the soul, full details are known only to those who devote their lives to its pursuit. The men who fully know – those who are called Adepts – have patiently developed within themselves the powers necessary for perfect observation. For in this respect there is a difference between the methods of occult investigation and those of the more modern form of science; this latter devotes all its energy to the improvement of its instruments, while the former aims rather at development of the observer.

Cũng như trường hợp của bất kỳ ngành khoa học nào khác, trong khoa học về linh hồn này, các chi tiết đầy đủ chỉ được biết đến bởi những người cống hiến đời mình cho việc theo đuổi nó. Những người thấu triệt hoàn toàn – những người được gọi là Chân sư – đã kiên nhẫn phát triển bên trong mình những quyền năng cần thiết cho việc quan sát hoàn hảo. Vì về khía cạnh này, có một sự khác biệt giữa các phương pháp khảo sát huyền môn và các hình thức khoa học hiện đại hơn; khoa học hiện đại dành toàn bộ năng lượng để cải tiến các công cụ của mình, trong khi huyền môn nhắm đến việc phát triển chính nhà quan sát.

THE METHOD OF OBSERVATION

PHƯƠNG PHÁP QUAN SÁT

The detail of this development would take up more space than can be devoted to it in a preliminary manual such as this. The whole scheme will be found fully explained in other Theosophical works; for the moment let it

Chi tiết về sự phát triển này sẽ chiếm nhiều không gian hơn mức có thể dành cho nó trong một cuốn cẩm nang sơ lược như thế này. Toàn bộ hệ thống sẽ được giải thích đầy đủ trong các tác phẩm Thông Thiên Học khác; hiện tại, hãy

suffice to say that it is entirely a question of vibration. All information which reaches a man from the world without, reaches him by means of vibration of some sort, whether it be through the senses of sight, hearing or touch. Consequently, if a man is able to make himself sensitive to additional vibrations he will acquire additional information; he will become what is commonly called "clairvoyant".

chỉ nói rằng đó hoàn toàn là vấn đề về rung động. Mọi thông tin đến với một người từ thế giới bên ngoài đều đến với y thông qua các loại rung động, cho dù đó là qua các giác quan thị giác, thính giác hay xúc giác. Do đó, nếu một người có thể làm cho mình nhạy cảm với các rung động bổ sung, y sẽ thu được thông tin bổ sung; y sẽ trở thành cái mà người ta thường gọi là người "thông nhãn".

This word, as commonly used, means nothing more than a slight extension of normal vision; but it is possible for a man to become more and more sensitive to the subtler vibrations, until his consciousness, acting through many developed faculties, functions freely in new and higher ways. He will then find new worlds of subtler matter opening up before him, though in reality they are only new portions of the world he already knows.

Từ này, theo cách dùng thông thường, không có nghĩa gì hơn là một sự mở rộng nhẹ của tầm nhìn bình thường; nhưng một người có thể trở nên ngày càng nhạy cảm hơn với các rung động tinh vi hơn, cho đến khi tâm thức của y, hoạt động thông qua nhiều năng lực đã phát triển, vận hành tự do theo những cách thức mới và cao hơn. Khi đó, y sẽ thấy những thế giới mới của chất liệu tinh vi hơn mở ra trước mắt mình, mặc dù thực tế chúng chỉ là những phần mới của thế giới mà y đã biết.

He learns in this way that a vast unseen universe exists round him during his whole life, and that it is constantly affecting him in many ways, even though he remains blindly unconscious of it. But when he develops faculties whereby he can sense these other worlds, it becomes possible for him to observe them scientifically, to repeat his observations many times, to compare them with those of others, to tabulate them, and draw deductions from them.

Bằng cách này, y học được rằng một vũ trụ vô hình bao la tồn tại xung quanh mình trong suốt cuộc đời, và nó liên tục ảnh hưởng đến y theo nhiều cách, ngay cả khi y vẫn mù quáng không nhận thức được nó. Nhưng khi y phát triển các năng lực mà qua đó y có thể cảm nhận được những thế giới khác này, y có thể quan sát chúng một cách khoa học, lặp lại các quan sát của mình nhiều lần, so sánh chúng với quan sát của những người khác, lập bảng biểu và rút ra các suy luận từ chúng.

All this has been done – not once, but thousands of times. The Adepts of whom I spoke have done this to the fullest possible extent, but many efforts along the same line have been made by our own Theosophical students. The result of our investigations has been not only to verify much of the information given to us at the outset by those Adepts, but also to explain and amplify it very

Tất cả những điều này đã được thực hiện – không phải một lần, mà hàng ngàn lần. Các Chân sư mà tôi đã đề cập đã thực hiện điều này ở mức độ đầy đủ nhất có thể, nhưng nhiều nỗ lực theo cùng một hướng cũng đã được thực hiện bởi chính các học viên Thông Thiên Học của chúng ta. Kết quả của các cuộc khảo sát của chúng ta không chỉ nhằm xác minh nhiều thông tin đã được các Chân sư cung cấp cho

considerably.

The sight of this usually unseen portion of our world at once brings to our knowledge a vast body of entirely new facts which are of the very deepest interest. It gradually solves for us many of the most difficult problems of life; it clears up for us many mysteries so that we now see them to have been mysteries to us for so long, only because heretofore we saw so small a part of the facts, because we were looking at the various matters from below, and as isolated and unconnected fragments, instead of rising above them to a standpoint whence they are comprehensible as parts of a mighty whole.

It settles in a moment many questions which have been much disputed – such, for example, as that of the continued existence of man after death. It affords us the true explanation of all the wildly impossible statements made by the churches about heaven, hell and purgatory; it dispels our ignorance and removes our fear of the unknown by supplying us with a rational and orderly scheme. What this scheme is I will now endeavour to explain.

GENERAL PRINCIPLES

It is my desire to make this statement of Theosophy as clear and readily comprehensible as possible, and for this reason I shall at every point give broad principles only, referring those who wish for detailed information to larger books, or to monographs upon particular subjects. I hope at the end of each chapter of this little treatise to give a list of such books as should be consulted by those who desire to go more

chúng ta ngay từ đầu, mà còn để giải thích và mở rộng chúng một cách đáng kể.

Việc nhìn thấy phần thường không được nhìn thấy này của thế giới chúng ta ngay lập tức mang lại cho kiến thức của chúng ta một khối lượng lớn các sự thật hoàn toàn mới vốn có sự quan tâm sâu sắc nhất. Nó dần dần giải quyết cho chúng ta nhiều vấn đề khó khăn nhất của cuộc sống; nó làm sáng tỏ cho chúng ta nhiều bí ẩn để giờ đây chúng ta thấy rằng chúng đã là bí ẩn đối với chúng ta quá lâu, chỉ vì trước đây chúng ta đã thấy một phần quá nhỏ của các sự thật, vì chúng ta đã nhìn các vấn đề khác nhau từ bên dưới, và như những mảnh vụn cô lập và không kết nối, thay vì vươn lên trên chúng đến một điểm đứng mà từ đó chúng có thể hiểu được như những phần của một chỉnh thể hùng vĩ.

Nó giải quyết trong chốc lát nhiều câu hỏi vốn đã gây tranh cãi nhiều – ví dụ như vấn đề về sự tồn tại tiếp tục của con người sau khi chết. Nó cung cấp cho chúng ta lời giải thích thực sự về tất cả những khẳng định hoàn toàn không tưởng mà các giáo hội đưa ra về thiên đàng, địa ngục và luyện ngục; nó xua tan sự vô minh và loại bỏ nỗi sợ hãi về điều chưa biết của chúng ta bằng cách cung cấp cho chúng ta một hệ thống hợp lý và có trật tự. Hệ thống này là gì, tôi sẽ cố gắng giải thích ngay sau đây.

CÁC NGUYÊN LÝ CHUNG

Mong muốn của tôi là làm cho bản trình bày về Thông Thiên Học này trở nên rõ ràng và dễ hiểu nhất có thể, và vì lý do này, tại mỗi điểm tôi sẽ chỉ đưa ra các nguyên lý rộng lớn, và giới thiệu những ai muốn biết thông tin chi tiết tìm đến các cuốn sách lớn hơn, hoặc các chuyên khảo về các chủ đề cụ thể. Tôi hy vọng ở cuối mỗi chương của luận văn nhỏ này sẽ đưa ra một danh sách các cuốn sách cần được tham khảo bởi những ai mong muốn đi sâu

deeply into this most fascinating system.

hơn vào hệ thống vô cùng hấp dẫn này.

I shall begin then, by a statement of the most striking of the broad general principles which emerge as a result of Theosophical study. There may be those who find here matter which is incredible to them, or matter which runs entirely contrary to their preconceived ideas. If that be so, then I would ask such men to remember that I am not putting this forward as a theory – as a metaphysical speculation or a pious opinion of my own – but as a definite scientific fact proved and examined over and over again, not only by myself, but many others also.

Do đó, tôi sẽ bắt đầu bằng một bản trình bày về những nguyên lý chung rộng lớn nổi bật nhất nảy sinh từ kết quả của việc nghiên cứu Thông Thiên Học. Có thể có những người tìm thấy ở đây những vấn đề mà họ thấy khó tin, hoặc những vấn đề hoàn toàn trái ngược với những ý tưởng đã định hình trước của họ. Nếu đúng như vậy, thì tôi xin những người đó hãy nhớ rằng tôi không đưa điều này ra như một lý thuyết – như một sự suy đoán siêu hình hay một ý kiến đạo đức của riêng tôi – mà như một sự thật khoa học xác định đã được chứng minh và kiểm tra lặp đi lặp lại, không chỉ bởi chính tôi, mà còn bởi nhiều người khác nữa.

Furthermore, I claim that it is a fact which may be verified at first hand by any person who is willing to devote the time and trouble necessary to fit himself for the investigation. I am not offering to the reader a creed to be swallowed like a pill; I am trying to set before him a system to study, and above all, a life to live. I ask no blind faith from him; I simply suggest to him the consideration of the Theosophical teaching as a hypothesis, though to me it is no hypothesis, but a living fact.

Hơn nữa, tôi khẳng định rằng đó là một sự thật có thể được xác minh trực tiếp bởi bất kỳ người nào sẵn lòng dành thời gian và công sức cần thiết để rèn luyện bản thân cho cuộc khảo sát. Tôi không cung cấp cho người đọc một tín ngưỡng để nuốt chửng như một viên thuốc; tôi đang cố gắng trình bày trước y một hệ thống để nghiên cứu, và trên hết, một đời sống để sống. Tôi không yêu cầu đức tin mù quáng từ y; tôi chỉ đơn giản gợi ý cho y việc xem xét giáo lý Thông Thiên Học như một giả thuyết, mặc dù đối với tôi nó không phải là giả thuyết, mà là một sự thật sống động.

If he finds it more satisfactory than others which have been presented to him, if it seems to him to solve more of the problems of life, to answer a greater number of the questions which inevitably arise for thinking man, then he will pursue its study further, and will find in it, I hope and believe, the same ever-increasing satisfaction and joy that I have myself found.

Nếu y thấy nó thỏa đáng hơn những hệ thống khác đã được trình bày cho mình, nếu nó dường như giải quyết được nhiều vấn đề hơn của cuộc sống, trả lời được nhiều câu hỏi hơn vốn chắc chắn nảy sinh đối với một người có tư duy, thì y sẽ theo đuổi việc nghiên cứu nó xa hơn, và tôi hy vọng và tin tưởng rằng y sẽ tìm thấy trong đó sự thỏa mãn và niềm vui ngày càng tăng giống như chính tôi đã tìm thấy.

If on the other hand, he thinks some other system preferable, no harm is done; he has simply learnt something of the tenets of a

Mặt khác, nếu y nghĩ rằng một hệ thống nào đó khác là thích hợp hơn, thì cũng không có hại gì; y chỉ đơn giản là đã học được đôi điều về

body of men with whom he is as yet unable to agree. I have sufficient faith in it myself to believe that, sooner or later, a time will come when he will agree with them – when he also will know what we know.

THE THREE GREAT TRUTHS

In one of our earliest Theosophical books it was written that there are three truths which are absolute and cannot be lost, but yet may remain silent for lack of speech. They are as great as life itself, and yet as simple as the simplest mind of man. I can hardly do better than paraphrase these for the greatest of my general principles.

I will then give some corollaries which follow naturally from them, and then, thirdly, some of the more prominent of the advantageous results which necessarily attend this definite knowledge. Having thus outlined the scheme in tabular form, I will take it up point by point, and endeavour to offer such elementary explanations as come within the scope of this little introductory book.

God exists, and He is good. He is the great life-giver who dwells within us and without us, is undying and eternally beneficent. He is not heard, nor seen, nor touched, yet is perceived by the man who desires perception.

Man is immortal, and his future is one whose glory and splendour have no limit.

A Divine law of absolute justice rules the world, so that each man is in truth his own judge, the dispenser of glory or gloom to himself, the decree of his life, his reward, his

các giáo lý của một nhóm người mà y hiện chưa thể đồng ý. Bản thân tôi có đủ niềm tin vào nó để tin rằng, sớm hay muộn, sẽ đến lúc y sẽ đồng ý với họ – khi y cũng sẽ biết những gì chúng ta biết.

BA CHÂN LÝ VĨ ĐẠI

Trong một trong những cuốn sách Thông Thiên Học sớm nhất của chúng ta, có viết rằng có ba chân lý tuyệt đối và không thể mất đi, nhưng có thể vẫn im lìm vì thiếu lời diễn đạt. Chúng vĩ đại như chính sự sống, nhưng lại đơn giản như trí tuệ đơn sơ nhất của con người. Tôi khó có thể làm gì tốt hơn là diễn giải lại chúng cho những nguyên lý chung vĩ đại nhất của mình.

Sau đó, tôi sẽ đưa ra một số hệ quả nảy sinh tự nhiên từ chúng, và thứ ba, một số kết quả có lợi nổi bật nhất nhất thiết đi kèm với kiến thức xác định này. Sau khi đã phác thảo hệ thống dưới dạng bảng biểu, tôi sẽ tiếp nhận từng điểm một và cố gắng đưa ra những lời giải thích sơ đẳng nằm trong phạm vi của cuốn sách nhập môn nhỏ này.

Thượng đế tồn tại, và Ngài nhân từ. Ngài là Đấng ban sự sống vĩ đại, Đấng ngự bên trong chúng ta và bên ngoài chúng ta, là bất diệt và mãi mãi ban phúc lành. Ngài không được nghe thấy, không được nhìn thấy, cũng không được chạm vào, nhưng lại được nhận biết bởi người nào khao khát sự nhận thức.

Con người là bất tử, và tương lai của y là một tương lai mà vinh quang và sự huy hoàng của nó không có giới hạn.

Một định luật Thiên liêng về sự công bằng tuyệt đối cai quản thế giới, sao cho mỗi người thực sự là quan tòa của chính mình, là người ban phát vinh quang hay u tối cho chính

punishment.

mình, là người quyết định cuộc đời mình, phần thưởng của mình, hình phạt của mình.

To each of these great truths are attached certain others, subsidiary and explanatory.

Gắn liền với mỗi chân lý vĩ đại này là một số chân lý khác, mang tính bổ trợ và giải thích.

From the first of them it follows:-

Từ chân lý thứ nhất, ta có hệ quả:

That, in spite of appearance, all things are definitely and intelligently moving together for good; that all circumstances, however untoward they may seem, are in reality exactly what are needed; that everything around us tends, not to hinder us, but to help us, if it is only understood.

Rằng, bất chấp vẻ ngoài, mọi sự vật đang cùng nhau chuyển động một cách xác định và thông tuệ hướng tới điều thiện; rằng mọi hoàn cảnh, dù chúng có vẻ bất lợi đến đâu, thực tế lại chính xác là những gì cần thiết; rằng mọi thứ xung quanh chúng ta có xu hướng không phải để cản trở chúng ta, mà là để giúp đỡ chúng ta, nếu chúng ta thấu hiểu được nó.

That since the whole scheme thus tends to man's benefit, clearly it is his duty to learn to understand it.

Rằng vì toàn bộ hệ thống đều hướng tới lợi ích của con người, nên rõ ràng nhiệm vụ của y là học cách thấu hiểu nó.

That when he thus understands it, it is also his duty intelligently to co-operate in this scheme.

Rằng khi y thấu hiểu nó như vậy, nhiệm vụ của y cũng là hợp tác một cách thông tuệ vào hệ thống này.

From the second great truth it follows:-

Từ chân lý vĩ đại thứ hai, ta có hệ quả:

That the true man is a soul, and that this body is only an appanage.

Rằng con người thực sự là một linh hồn, và thể xác này chỉ là một phần phụ thuộc.

That he must therefore, regard everything from the standpoint of the soul, and that in every case when an internal struggle takes place he must realise his identity with the higher and not with the lower.

Rằng do đó, y phải xem xét mọi thứ từ quan điểm của linh hồn, và trong mọi trường hợp khi một cuộc đấu tranh nội tâm diễn ra, y phải nhận ra sự đồng nhất của mình với cái cao hơn chứ không phải với cái thấp hơn.

That what we commonly call his life is only one day in his true and larger life.

Rằng cái mà chúng ta thường gọi là cuộc đời của y chỉ là một ngày trong cuộc đời thực sự và rộng lớn hơn của y.

That death is a matter of far less importance than is usually supposed, since it is by no means the end of life, but merely the passage from one stage of it to another.

Rằng cái chết là một vấn đề ít quan trọng hơn nhiều so với người ta thường tưởng, vì nó hoàn toàn không phải là sự kết thúc của sự sống, mà chỉ là sự chuyển tiếp từ giai đoạn này sang giai đoạn khác.

That man has an immense evolution behind him, the study of which is most fascinating, interesting and instructive.

Rằng con người có một quá trình tiến hóa khổng lồ phía sau mình, việc nghiên cứu quá trình đó là vô cùng hấp dẫn, thú vị và mang tính giáo dục.

That he has also a splendid evolution before him, the study of which will be even more fascinating and instructive.

Rằng y cũng có một quá trình tiến hóa huy hoàng trước mắt, việc nghiên cứu quá trình đó sẽ còn hấp dẫn và mang tính giáo dục hơn nữa.

That there is an absolute certainty of final attainment for every human soul, no matter how far he may have seemed to have strayed from the path of evolution.

Rằng có một sự chắc chắn tuyệt đối về việc đạt được đích đến cuối cùng cho mọi linh hồn con người, bất kể y có vẻ như đã đi lạc xa đến đâu khỏi con đường tiến hóa.

From the third great truth it follows:-

Từ chân lý vĩ đại thứ ba, ta có hệ quả:

That every thought, word, or action produces its definite result – not a reward or a punishment imposed from without, but a result inherent in the action itself, definitely connected with it in the relation of cause and effect, these being really but two inseparable parts of one whole.

Rằng mọi tư tưởng, lời nói hay hành động đều tạo ra kết quả xác định của nó – không phải là một phần thưởng hay một hình phạt áp đặt từ bên ngoài, mà là một kết quả vốn có trong chính hành động đó, được kết nối xác định với nó trong mối quan hệ nhân quả, chúng thực sự chỉ là hai phần không thể tách rời của một chỉnh thể.

That it is both the duty and interest of man to study this divine law closely, so that he will be able to adapt himself to it and to use it, as we use other great laws of nature.

Rằng việc nghiên cứu kỹ lưỡng định luật thiên liêng này vừa là nhiệm vụ vừa là lợi ích của con người, để y có thể thích nghi với nó và sử dụng nó, giống như chúng ta sử dụng các định luật vĩ đại khác của tự nhiên.

That it is necessary for man to attain perfect control over himself, so that he may guide his life intelligently in accordance with this law.

Rằng con người cần đạt được sự kiểm soát hoàn hảo đối với bản thân, để y có thể dẫn dắt cuộc đời mình một cách thông tuệ phù hợp với định luật này.

ADVANTAGES GAINED FROM THIS KNOWLEDGE

NHỮNG LỢI ÍCH CÓ ĐƯỢC TỪ KIẾN THỨC NÀY

When this knowledge is fully assimilated, it changes the aspect of life so completely that it would be impossible for me to tabulate all the advantages which flow from it. I can only mention a few of the principal lines along

Khi kiến thức này được đồng hóa hoàn toàn, nó thay đổi diện mạo của cuộc sống một cách hoàn toàn đến mức tôi không thể liệt kê hết tất cả những lợi ích tuôn chảy từ nó. Tôi chỉ có thể đề cập đến một vài hướng chính mà sự thay

which this change is produced, and the reader's own thought will, no doubt, supply some of the endless ramifications which are their necessary consequence.

đổi này tạo ra, và tư duy của chính người đọc chắc chắn sẽ cung cấp thêm một số nhánh vô tận vốn là hệ quả tất yếu của chúng.

But it must be understood that no vague knowledge will be sufficient. Such belief as most men accord to the assertions of their religions will be quite useless, since it produces no practical effect in their lives. But if we believe in these truths as we do in the other laws of nature – as we believe that fire burns and that water drowns – then the effect that they produce in our lives is enormous.

Nhưng cần phải hiểu rằng không có kiến thức mơ hồ nào là đủ. Niềm tin kiểu như hầu hết mọi người dành cho những khẳng định của tôn giáo họ sẽ hoàn toàn vô dụng, vì nó không tạo ra hiệu quả thực tế nào trong đời sống của họ. Nhưng nếu chúng ta tin vào những chân lý này như tin vào các định luật khác của tự nhiên – như chúng ta tin rằng lửa đốt cháy và nước làm chết đuối – thì hiệu quả mà chúng tạo ra trong đời sống của chúng ta là vô cùng to lớn.

For our belief in the laws of Nature is sufficiently real to induce us to order our lives in accordance with it. Believing that fire burns, we take every precaution to avoid fire; believing that water drowns, we avoid going into water too deep for us unless we can swim.

Bởi vì niềm tin của chúng ta vào các định luật của Tự nhiên đủ thực tế để khiến chúng ta sắp xếp cuộc sống của mình phù hợp với nó. Tin rằng lửa đốt cháy, chúng ta thực hiện mọi biện pháp phòng ngừa để tránh lửa; tin rằng nước làm chết đuối, chúng ta tránh đi vào vùng nước quá sâu đối với mình trừ khi chúng ta biết bơi.

Now these beliefs are so definite and real to us because they are founded on knowledge and illustrated by daily experience; and the beliefs of the Theosophical student are equally real and definite to him for exactly the same reason. And that is why we find following from them the results now to be described:

Giờ đây, những niềm tin này rất xác định và thực tế đối với chúng ta vì chúng dựa trên kiến thức và được minh họa bằng trải nghiệm hàng ngày; và những niềm tin của học viên Thông Thiên Học cũng thực tế và xác định tương tự đối với y vì chính lý do đó. Và đó là lý do tại sao chúng ta thấy nảy sinh từ chúng những kết quả sẽ được mô tả sau đây:

We gain a rational comprehension of life – we know how we should live and why, and we learn that life is worth living when properly understood.

Chúng ta đạt được một sự thấu hiểu hợp lý về cuộc sống – chúng ta biết mình nên sống như thế nào và tại sao, và chúng ta học được rằng cuộc sống là đáng sống khi được thấu hiểu đúng đắn.

We learn how to govern ourselves, and therefore how to develop ourselves.

Chúng ta học cách quản trị bản thân, và do đó học cách phát triển bản thân.

We learn how best to help those whom we

Chúng ta học cách tốt nhất để giúp đỡ những

love, how to make ourselves useful to all with whom we come into contact, and ultimately to the whole human race.

người mình yêu thương, cách làm cho mình trở nên hữu ích với tất cả những người mình tiếp xúc, và cuối cùng là với toàn thể nhân loại.

We learn to view everything from the wider philosophical standpoint – never from the petty and purely personal side.

Chúng ta học cách nhìn nhận mọi thứ từ quan điểm triết học rộng lớn hơn – không bao giờ từ khía cạnh nhỏ nhen và thuần túy cá nhân.

Consequently:

Hệ quả là:

The troubles of life are no longer so large for us.

Những rắc rối của cuộc sống không còn quá lớn đối với chúng ta nữa.

We have no sense of injustice in connection with our surroundings or our destiny.

Chúng ta không còn cảm giác bất công liên quan đến môi trường xung quanh hay số phận của mình.

We are altogether freed from the fear of death.

Chúng ta hoàn toàn thoát khỏi nỗi sợ hãi cái chết.

Our grief in connection with the death of those whom we love is very greatly mitigated.

Nỗi đau buồn của chúng ta liên quan đến cái chết của những người mình yêu thương được giảm nhẹ đi rất nhiều.

We gain a totally different view of life after death, and we understand its place in our evolution.

Chúng ta có được một cái nhìn hoàn toàn khác về cuộc sống sau khi chết, và chúng ta hiểu được vị trí của nó trong sự tiến hóa của mình.

We are altogether free from religious fears or worry, either for ourselves or for our friends – fears as to the salvation of the soul, for example.

Chúng ta hoàn toàn thoát khỏi những nỗi sợ hãi hay lo lắng về tôn giáo, cho chính mình hay cho bạn bè mình – ví dụ như những nỗi sợ hãi về sự cứu rỗi của linh hồn.

We are no longer troubled by uncertainty as to our future fate, but live in perfect serenity and perfect fearlessness.

Chúng ta không còn bị bận tâm bởi sự không chắc chắn về số phận tương lai của mình, mà sống trong sự tĩnh lặng hoàn hảo và sự không sợ hãi hoàn hảo.

Now let us take these points in detail, and endeavour briefly to explain them.

Bây giờ chúng ta hãy đi vào chi tiết các điểm này, và cố gắng giải thích ngắn gọn về chúng.

THE DEITY

THƯỢNG ĐẾ

When we lay down the existence of God as the first and greatest of our principles, it becomes

Khi chúng ta đặt sự tồn tại của Thượng đế là nguyên lý đầu tiên và vĩ đại nhất của mình,

necessary for us to define the sense in which we employ that much abused, yet mighty word. We try to redeem it from the narrow limits imposed on it by the ignorance of undeveloped men, and to restore to it the splendid conception – splendid, though so infinitely below the reality – given to it by the founders of religions. And we distinguish between God as the Infinite Existence, and the manifestation of this Supreme Existence as a revealed God, evolving and guiding a universe.

chúng ta cần phải định nghĩa ý nghĩa mà chúng ta sử dụng từ ngữ hùng mạnh nhưng thường bị lạm dụng đó. Chúng ta cố gắng giải cứu nó khỏi những giới hạn hẹp hòi bị áp đặt bởi sự vô minh của những người chưa phát triển, và khôi phục lại cho nó khái niệm huy hoàng – huy hoàng, dù vẫn thấp kém vô cùng so với thực tại – mà những người sáng lập các tôn giáo đã dành cho nó. Và chúng ta phân biệt giữa Thượng đế như là Sự Tồn Tại Vô Hạn, và sự biểu hiện của Sự Tồn Tại Tối Cao này như một Thượng đế được mặc khải, đang tiến hóa và dẫn dắt một vũ trụ.

Only to this limited manifestation should the term "a personal God" be applied. God in Himself is beyond the bounds of the personality, is "in all and through all", and indeed is all; and of the Infinite, the Absolute, the All, we can only say "He is".

Chỉ đối với sự biểu hiện giới hạn này thì thuật ngữ "một Thượng đế cá nhân" mới nên được áp dụng. Bản thân Thượng đế nằm ngoài ranh giới của phàm ngã, ở "trong tất cả và xuyên qua tất cả", và thực sự là tất cả; và về Đấng Vô Hạn, Đấng Tuyệt Đối, Đấng Tất Cả, chúng ta chỉ có thể nói "Ngài là".

For all practical purposes we need not go further than that marvellous and glorious manifestation of Him (a little less entirely beyond our comprehension) the great Guiding Force or deity of our own solar system, whom philosophers have called the Logos. Of Him is true all that we have ever heard predicted of God – all that is good, that is – not the blasphemous conceptions sometimes put forward, ascribing to Him human vices.

Vì mọi mục đích thực hành, chúng ta không cần đi xa hơn sự biểu hiện kỳ diệu và huy hoàng đó của Ngài (một điều ít nằm ngoài sự thấu hiểu của chúng ta hơn một chút), đó là Lực Dẫn Dắt vĩ đại hay Thượng đế của hệ mặt trời chúng ta, Đấng mà các triết gia gọi là Thượng đế (Logos). Về Ngài, tất cả những gì chúng ta từng nghe tiên đoán về Thượng đế đều đúng – tức là tất cả những gì tốt đẹp – chứ không phải những khái niệm báng bổ đôi khi được đưa ra, gán cho Ngài những thói hư tật xấu của con người.

But all that has ever been said of the love, the wisdom, the power the patience and compassion, the omniscience, the omnipresence, the omnipotence –all of this, and much more, is true of the Logos of our system. Verily "in Him we live and move and have our being", not as a poetical expression, but (strange as it may seem) as a definite scientific fact; and so when we speak of the

Nhưng tất cả những gì từng được nói về tình thương, minh triết, quyền năng, sự kiên nhẫn và lòng từ bi, sự toàn tri, sự hiện diện khắp nơi, sự toàn năng – tất cả những điều này, và nhiều hơn nữa, đều đúng về Đức Thượng đế của hệ thống chúng ta. Quả thực "trong Ngài chúng ta sống, vận động và hiện hữu", không phải như một cách diễn đạt thi ca, mà (dù có vẻ lạ lùng) như một sự thật khoa học xác định; và vì

deity our first thought is naturally of the Logos.

vậy khi chúng ta nói về Thượng đế, ý nghĩ đầu tiên của chúng ta tự nhiên là về Đức Thượng đế.

We do not vaguely hope that He may be; we do not even believe as a matter of faith that He is; we simply know it as we know that the sun shines, for to the trained and developed clairvoyant investigator this Mighty existence is a definite certainty. Not that any merely human development can enable us directly to see Him, but that unmistakable evidence of His action and His purpose surrounds us on every side as we study the life of the unseen world, which is in reality only the higher part of this.

Chúng ta không hy vọng một cách mơ hồ rằng Ngài có thể tồn tại; chúng ta thậm chí không tin như một vấn đề đức tin rằng Ngài hiện hữu; chúng ta chỉ đơn giản biết điều đó như biết rằng mặt trời đang chiếu sáng, vì đối với nhà khảo sát thông nhãn đã được rèn luyện và phát triển, Sự Tồn Tại Hùng Mạnh này là một sự chắc chắn xác định. Không phải bất kỳ sự phát triển thuần túy nhân loại nào cũng có thể cho phép chúng ta trực tiếp nhìn thấy Ngài, mà là bằng chứng không thể nhầm lẫn về hành động và mục đích của Ngài bao quanh chúng ta ở mọi phía khi chúng ta nghiên cứu đời sống của thế giới vô hình, vốn thực tế chỉ là phần cao hơn của thế giới này.

Here we meet the explanation of a dogma which is common to all religions – that of the Trinity. Incomprehensible as many of the statements made on this subject in our creeds may seem to the ordinary reader, they become significant and luminous when the truth is understood. As He shows Himself to us in His work, the Solar Logos is undoubtedly triple – three yet one, as religion has long ago told us; and as much of the explanation of this apparent mystery as the intellect of man at its present stage can grasp will be found in the books presently to be mentioned.

Ở đây chúng ta gặp lời giải thích cho một giáo điều chung cho tất cả các tôn giáo – đó là giáo điều về Tam Vị. Dù nhiều khẳng định về chủ đề này trong các tín điều của chúng ta có vẻ khó hiểu đối với người đọc bình thường, chúng trở nên có ý nghĩa và sáng tỏ khi chân lý được thấu hiểu. Khi Ngài thể hiện mình với chúng ta trong công việc của Ngài, Đức Thái dương Thượng đế chắc chắn là tam phân – ba mà là một, như tôn giáo đã nói từ lâu; và phần lớn lời giải thích về bí ẩn rõ ràng này mà trí tuệ con người ở giai đoạn hiện tại có thể nắm bắt được sẽ được tìm thấy trong các cuốn sách sắp được đề cập.

That He is within us as well as without us, or, in other words, that man himself is in essence divine, is another great truth which, though those who are blind to all but the outer and lower world may still argue about it, is an absolute certainty to the student of the higher side of life. Of the constitution of man's soul and its various vehicles we shall speak under the heading of the second of truths; suffice it

Rằng Ngài ở bên trong chúng ta cũng như ở bên ngoài chúng ta, hay nói cách khác, chính con người về bản chất là thiêng liêng, là một chân lý vĩ đại khác mà, mặc dù những ai mù quáng trước mọi thứ trừ thế giới bên ngoài và thấp hơn vẫn có thể tranh luận về nó, nhưng lại là một sự chắc chắn tuyệt đối đối với người nghiên cứu khía cạnh cao hơn của sự sống. Về cấu tạo linh hồn con người và các vận cụ khác

for the moment to note that the inherent divinity is a fact, and that in it resides the assurance of the ultimate return of every human being to the divine level.

nhau của nó, chúng ta sẽ nói dưới tiêu đề của chân lý thứ hai; hiện tại chỉ cần lưu ý rằng thiên tính vốn có là một sự thật, và trong đó ẩn chứa sự đảm bảo về việc cuối cùng mọi con người sẽ trở về cấp độ thiêng liêng.

THE DIVINE SCHEME

THIÊN CƠ

Perhaps none of our postulates will present greater difficulty to the average mind than the first corollary to the first great truth. Looking round us in daily life we see so much of the storm and stress, the sorrow and suffering, so much that looks like the triumph of evil over good, that it seems almost impossible to suppose that all this apparent confusion is in reality part of an ordered process. Yet this is the truth, and can be seen to be the truth so soon as we escape from the dust-cloud raised by the struggle in the outer world, and look upon it all from the vantage ground of the fuller knowledge and the inner peace.

Có lẽ không có giả định nào của chúng ta gây khó khăn cho trí tuệ trung bình hơn là hệ quả đầu tiên của chân lý vĩ đại thứ nhất. Nhìn quanh mình trong đời sống hàng ngày, chúng ta thấy quá nhiều sóng gió và căng thẳng, quá nhiều nỗi buồn và sự đau khổ, quá nhiều thứ trông giống như sự chiến thắng của cái ác đối với cái thiện, đến mức dường như gần như không thể giả định rằng tất cả sự hỗn loạn rõ ràng này thực tế là một phần của một tiến trình có trật tự. Tuy nhiên, đây là chân lý, và có thể thấy đó là chân lý ngay khi chúng ta thoát khỏi đám mây bụi bốc lên từ cuộc đấu tranh ở thế giới bên ngoài, và nhìn nhận tất cả từ điểm thuận lợi của kiến thức đầy đủ hơn và sự bình an nội tâm.

Then the real motion of the complex machinery becomes apparent. Then it is seen that what have seemed to be countercurrents of evil prevailing against the stream of progress are merely trifling eddies into which for the moment a little water may turn aside, or tiny whirlpools on the surface, in which part of the water appears for the moment to be running backwards.

Khi đó, chuyển động thực sự của bộ máy phức tạp trở nên rõ ràng. Khi đó, người ta thấy rằng những gì dường như là những dòng nghịch lưu của cái ác đang lấn lướt dòng thác tiến bộ chỉ đơn thuần là những xoáy nước nhỏ nhặt mà trong chốc lát một ít nước có thể rẽ sang, hoặc những vòng xoáy tí hon trên bề mặt, nơi một phần nước dường như đang chảy ngược lại trong khoảnh khắc.

But all the time the mighty river is sweeping steadily on its appointed course, bearing the superficial whirlpools along with it. Just so the great stream of evolution is moving evenly on its way, and what seems to us so terrible a tempest is the merest ruffling of its surface. Another analogy, very beautifully worked out is given in Mr. C. H. Hinton's Scientific Romances, vol. 1, pp 18-24.

Nhưng trong suốt thời gian đó, dòng sông hùng vĩ vẫn đang chảy đều đặn trên lộ trình đã định của nó, cuốn theo những vòng xoáy bề mặt ấy cùng với mình. Chính vì vậy, dòng thác tiến hoá vĩ đại đang di chuyển đồng đều trên con đường của nó, và những gì đối với chúng ta dường như là một cơn bão khủng khiếp chỉ là sự gợn sóng nhỏ nhất trên bề mặt của nó. Một sự tương đồng khác, được trình bày rất

đẹp đẽ, được đưa ra trong tác phẩm Scientific Romances của Ông C. H. Hinton, tập 1, trang 18-24.

Truly, as our third great truth tells us, absolute justice is meted out to all, and so, in whatever circumstances a man finds himself, he knows that he himself and none other has provided them; but he may also know much more than this. He may rest assured that under the action of evolutionary law matters are so arranged as to give him the best possible opportunity for developing within himself those qualities which he most needs.

Thật vậy, như chân lý vĩ đại thứ ba của chúng ta cho biết, sự công bằng tuyệt đối được ban phát cho tất cả, và vì vậy, trong bất kỳ hoàn cảnh nào mà một người thấy mình ở trong đó, y biết rằng chính bản thân y chứ không ai khác đã tạo ra chúng; nhưng y cũng có thể biết nhiều hơn thế nữa. Y có thể yên tâm rằng dưới tác động của định luật tiến hoá, mọi việc được sắp xếp sao cho mang lại cho y cơ hội tốt nhất có thể để phát triển bên trong chính mình những phẩm tính mà y cần nhất.

His circumstances are by no means necessarily those that he would have chosen for himself, but they are exactly what he deserved; and subject only to that consideration of his deserts (which frequently impose serious limitations), they are those best adapted for his progress. They may provide him with all sorts of difficulties, but these are offered only in order that he may learn to surmount them, and thereby develop within himself courage, determination, patience, perseverance, or whatever other quality he may lack. Men often speak as though the forces of nature were conspiring against them, whereas as a matter of fact, if they would but understand it, everything about them is carefully calculated to assist them on their upward way.

Hoàn cảnh của y không nhất thiết phải là những gì y tự chọn cho mình, nhưng chúng chính xác là những gì y xứng đáng nhận được; và chỉ tuỳ thuộc vào sự xem xét về những gì y xứng đáng (vốn thường áp đặt những giới hạn nghiêm trọng), chúng là những điều thích hợp nhất cho sự tiến bộ của y. Chúng có thể mang lại cho y đủ loại khó khăn, nhưng những điều này chỉ được đưa ra để y có thể học cách vượt qua chúng, và từ đó phát triển bên trong mình lòng can đảm, sự quyết tâm, lòng kiên nhẫn, sự kiên trì, hoặc bất kỳ phẩm tính nào khác mà y có thể còn thiếu. Con người thường nói như thể các mãnh lực của tự nhiên đang hợp mưu chống lại họ, trong khi trên thực tế, nếu họ thấu hiểu được, thì mọi thứ xung quanh họ đều được tính toán cẩn thận để hỗ trợ họ trên con đường thăng thượng của mình.

That, since there is a Divine scheme, it is man's part to try and understand it, is a proposition which surely needs no argument. Even were it only from motives of self-interest, those who have to live under a certain set of conditions would do well to familiarise themselves with them; and when a man's objects in life become altruistic it is still more necessary for him to comprehend, in order that he may help the

Vì có một Thiên Cơ, nên phần việc của con người là cố gắng thấu hiểu nó, đó là một mệnh đề chắc chắn không cần phải tranh luận. Ngay cả khi chỉ vì động cơ tư lợi, những ai phải sống dưới một tập hợp các điều kiện nhất định cũng nên làm quen với chúng; và khi các mục tiêu trong đời của một người trở nên vị tha, y lại càng cần phải thấu hiểu hơn nữa để có thể giúp đỡ một cách hiệu quả hơn.

more effectually.

It is undoubtedly part of this plan for man's evolution that he himself should intelligently co-operate in it as soon as he has developed sufficient intelligence to grasp it and sufficient good feeling to wish to aid. But indeed this Divine scheme is so wonderful and so beautiful that, when once a man sees it, nothing else is possible for him than to throw all his energies into the effort to become a worker in it, no matter how humble may be the part which he has to sustain.

Chắc chắn đây là một phần của kế hoạch tiến hoá của con người mà chính y nên cộng tác một cách thông thái ngay khi y đã phát triển đủ trí tuệ để nắm bắt và đủ thiện chí để mong muốn hỗ trợ. Nhưng thực sự Thiên Cơ này quá tuyệt vời và đẹp đẽ đến nỗi, một khi con người nhìn thấy nó, y không còn cách nào khác là dồn hết năng lượng của mình vào nỗ lực để trở thành một người hoạt động trong đó, bất kể phần việc mà y phải gánh vác có khiêm tốn đến đâu.

For fuller information on the subjects of this chapter the reader is referred to Mrs. Besant's Esoteric Christianity and Ancient Wisdom, and to my own little book on The Christian Creed. Much light is also thrown on these conceptions from the Greek standpoint in Mr. G. R. S. Mead's Orpheus, and from the Gnostic-Christian in his fragments Fragments Of A Faith Forgotten.

Để biết thêm thông tin đầy đủ về các chủ đề của chương này, độc giả nên tham khảo cuốn Esoteric Christianity và Ancient Wisdom của Bà Besant, và cuốn sách nhỏ của chính tôi về The Christian Creed. Nhiều ánh sáng cũng được soi rọi vào những quan niệm này từ quan điểm Hy Lạp trong cuốn Orpheus của Ông G. R. S. Mead, và từ quan điểm Kitô giáo-Gnosis trong các mảnh bản thảo Fragments Of A Faith Forgotten của ông.

THE CONSTITUTION OF MAN

CẤU TẠO CỦA CON NGƯỜI

The astounding practical materialism to which we have been reduced in this country can hardly be more clearly shown than it is by the expressions that we employ in common life. We speak quite ordinarily of man as having a soul, of "saving" our souls, and so on, evidently regarding the physical body as the real man and the soul as a mere appanage, a vague something to be considered as property of the body.

Chủ nghĩa duy vật thực tế đáng kinh ngạc mà chúng ta đã bị rơi vào ở đất nước này khó có thể được thể hiện rõ ràng hơn qua những cách diễn đạt mà chúng ta sử dụng trong đời sống thường nhật. Chúng ta nói một cách khá bình thường về việc con người có một linh hồn, về việc "cứu rỗi" linh hồn chúng ta, và vân vân, rõ ràng là coi thể xác là con người thực sự và linh hồn chỉ là một vật phụ thuộc, một cái gì đó mơ hồ được xem như tài sản của cơ thể.

With an idea so little defined as this, it can hardly be a matter of surprise that many people go a little further along the same lines, and doubt whether this vague something exists at all. So it would seem that the ordinary man is very often quite uncertain whether he

Với một ý tưởng ít được xác định như thế này, khó có thể ngạc nhiên khi nhiều người tiến xa hơn một chút theo cùng hướng đó, và nghi ngờ liệu cái gì đó mơ hồ này có tồn tại hay không. Vì vậy, có vẻ như người bình thường thường rất không chắc chắn liệu mình có sở hữu một

possesses a soul or not; still less does he know that the soul is immortal. That he should remain in this pitiable condition of ignorance seems strange, for there is a very great deal of evidence available even in the outer world, to show that man has an existence quite apart from his body, capable of being carried on at a distance from it while it is living, and entirely without it when it is dead.

linh hồn hay không; y lại càng ít biết rằng linh hồn là bất tử. Việc y vẫn ở trong tình trạng vô minh đáng thương này dường như thật kỳ lạ, vì có rất nhiều bằng chứng sẵn có ngay cả ở thế giới bên ngoài, cho thấy con người có một sự tồn tại hoàn toàn tách biệt khỏi cơ thể mình, có khả năng hoạt động ở một khoảng cách xa cơ thể khi nó đang sống, và hoàn toàn không cần đến nó khi nó đã chết.

Until we have entirely rid ourselves of this extraordinary delusion that the body is the man, it is quite impossible that we should at all appreciate the real facts of the case. A little investigation immediately shows us that the body is only a vehicle by means of which the man manifests himself in connection with this particular type of gross matter out of which our visible world is built.

Cho đến khi chúng ta hoàn toàn loại bỏ được ảo tưởng kỳ lạ rằng cơ thể là con người, chúng ta hoàn toàn không thể đánh giá đúng các sự thật thực sự của vấn đề. Một chút khảo sát ngay lập tức cho chúng ta thấy rằng cơ thể chỉ là một vận cụ mà thông qua đó con người biểu hiện chính mình trong mối liên hệ với loại vật chất thô đặc biệt này, vốn là chất liệu xây dựng nên thế giới hữu hình của chúng ta.

Furthermore, it shows that other and subtler types of matter exist – not only the ether admitted by modern science as interpenetrating all known substances, but other types of matter which interpenetrate ether in turn, and are as much finer than ether as it is than solid matter. The question will naturally occur to the reader as to how it will be possible for man to become conscious of the existence of types of matter so wonderfully fine, so minutely subdivided. The answer is that he can become conscious of them in the same way as he becomes conscious of the lower matter – by receiving vibrations from them.

Hơn nữa, nó cho thấy rằng các loại vật chất khác và tinh vi hơn có tồn tại – không chỉ là dĩ thái được khoa học hiện đại thừa nhận là xuyên thấu tất cả các chất liệu đã biết, mà còn các loại vật chất khác lần lượt xuyên thấu dĩ thái, và tinh vi hơn dĩ thái cũng như dĩ thái tinh vi hơn vật chất rắn. Câu hỏi tự nhiên sẽ nảy sinh đối với độc giả là làm thế nào con người có thể nhận thức được sự tồn tại của các loại vật chất tinh vi tuyệt vời, được phân chia tỉ mỉ như vậy. Câu trả lời là y có thể nhận thức được chúng theo cùng cách mà y nhận thức được vật chất thấp hơn – bằng cách nhận các rung động từ chúng.

And he is enabled to receive vibrations from them by reason of the fact that he possesses matter of these finer types as part of himself – that just as his body of dense matter is his vehicle for perceiving and communicating with the world of dense matter, so does the finer matter within him constitute for him a vehicle by means of which he can perceive and

y được phép nhận các rung động từ chúng nhờ vào thực tế là y sở hữu vật chất thuộc những loại tinh vi này như một phần của chính mình – rằng cũng như thể xác bằng vật chất đậm đặc là vận cụ của y để nhận thức và giao tiếp với thế giới vật chất đậm đặc, thì vật chất tinh vi bên trong y cấu thành cho y một vận cụ mà thông qua đó y có thể nhận thức và giao tiếp

communicate with the world of finer matter which is imperceptible to the grosser physical senses.

với thế giới vật chất tinh vi vốn không thể nhận thấy được bằng các giác quan hồng trần thô thiển.

This is by no means a new idea. It will be remembered that St. Paul remarks that "there is a natural body, and there is a spiritual body," and that he furthermore refers to both the soul and the spirit in man, by no means employing the two synonymously, as is so often ignorantly done at the present day. It speedily becomes evident that man is a far more complex being than is ordinarily supposed; that not only is he a spirit within a soul but that this soul has various vehicles of different degrees of density, the physical body being only one, and the lowest of them.

Đây hoàn toàn không phải là một ý tưởng mới. Cần nhớ rằng Thánh Paul đã nhận xét rằng "có một thể tự nhiên, và có một thể tinh thần," và hơn nữa Ngài còn đề cập đến cả linh hồn và tinh thần trong con người, hoàn toàn không sử dụng hai thuật ngữ này như những từ đồng nghĩa, như người ta thường làm một cách thiếu hiểu biết ngày nay. Nhanh chóng trở nên rõ ràng rằng con người là một thực thể phức tạp hơn nhiều so với những gì thường được giả định; rằng y không chỉ là một tinh thần bên trong một linh hồn mà linh hồn này còn có các vận cụ khác nhau với các mức độ đậm đặc khác nhau, thể xác chỉ là một trong số đó, và là thể thấp nhất.

These various vehicles may all be described as bodies in relation to their respective levels of matter. It might be said that there exist around us a series of worlds one within the other (by inter-penetration), and that man possesses a body for each of these worlds, by means of which he may observe it and live in it. He learns by degrees how to use these various bodies, and in that way gains a much more complete idea of the great complex world in which he lives; for all these other inner worlds are in reality still part of it.

Các vận cụ khác nhau này đều có thể được mô tả là các thể trong mối liên hệ với các cấp độ vật chất tương ứng của chúng. Có thể nói rằng xung quanh chúng ta tồn tại một loạt các thế giới cái này nằm trong cái kia (bằng sự xuyên thấu), và con người sở hữu một thể cho mỗi thế giới này, nhờ đó y có thể quan sát nó và sống trong đó. Y dần dần học cách sử dụng các thể khác nhau này, và bằng cách đó có được một ý tưởng hoàn chỉnh hơn nhiều về thế giới phức tạp vĩ đại mà y đang sống; vì tất cả các thế giới bên trong khác này trên thực tế vẫn là một phần của nó.

In this way he comes to understand very many things which before seemed mysterious to him; he ceases to identify himself with his bodies, and learns that they are only vestures which he may put off and resume or change without being himself in the least affected thereby. Once more we must repeat that all this by no means metaphysical speculation or pious opinion, but definite scientific fact thoroughly well known experimentally to

Bằng cách này, y thấu hiểu được rất nhiều điều mà trước đây dường như là huyền bí đối với y; y ngừng đồng hoá mình với các thể của mình, và học được rằng chúng chỉ là những y phục mà y có thể cởi ra và mặc lại hoặc thay đổi mà bản thân y không hề bị ảnh hưởng chút nào bởi điều đó. Một lần nữa chúng ta phải lặp lại rằng tất cả những điều này hoàn toàn không phải là sự suy đoán siêu hình hay ý kiến sùng đạo, mà là sự thật khoa học xác định được biết

those who have studied Theosophy.

đến kỹ lưỡng qua thực nghiệm bởi những người đã nghiên cứu Thông Thiên Học.

Strange as it may seem to many to find precise statements taking the place of hypothesis upon questions such as these, I am speaking here of nothing that is not known by direct and constantly repeated observation to a large number of students. Assuredly "we know whereof we speak", not by faith but by experiment, and therefore we speak with confidence. To these inner worlds or different levels of nature we usually give the name of planes. We speak of the visible world as "the physical plane", though under that name we include also the gases and various grades of ether.

Dù có vẻ kỳ lạ đối với nhiều người khi thấy những tuyên bố chính xác thay thế cho các giả thuyết về những vấn đề như thế này, tôi đang nói ở đây về không có gì là không được biết đến qua sự quan sát trực tiếp và được lặp lại liên tục bởi một số lượng lớn các học viên. Chắc chắn "chúng tôi biết những gì chúng tôi nói", không phải bằng đức tin mà bằng thực nghiệm, và do đó chúng tôi nói với sự tự tin. Đối với những thế giới bên trong hoặc các cấp độ khác nhau này của tự nhiên, chúng ta thường gọi là các cõi giới. Chúng ta gọi thế giới hữu hình là "cõi hồng trần", mặc dù dưới cái tên đó chúng ta cũng bao gồm cả các chất khí và các cấp độ dĩ thái khác nhau.

To the next stage of materiality the name of "the astral plane" was given by the medieval alchemists (who were well aware of its existence), and we have adopted their title. Within this exists another world of still finer matter, of which we speak as "the mental plane", because of its matter is composed what is commonly called the mind in man. There are other still higher planes, but I need not trouble the reader with designations for them, since we are at present dealing only with man's manifestation in the lower worlds.

Đối với giai đoạn tiếp theo của vật chất, cái tên "cõi cảm dục" đã được các nhà luyện kim thời trung cổ đặt cho (những người đã biết rõ về sự tồn tại của nó), và chúng ta đã chấp nhận tên gọi của họ. Bên trong cõi này tồn tại một thế giới khác bằng vật chất thậm chí còn tinh vi hơn, mà chúng ta gọi là "cõi trí", bởi vì vật chất của nó cấu thành nên cái thường được gọi là thể trí trong con người. Còn có những cõi khác cao hơn nữa, nhưng tôi không cần làm phiền độc giả với các tên gọi dành cho chúng, vì hiện tại chúng ta chỉ đề cập đến sự biểu hiện của con người trong các cõi thấp.

It must always be born in mind that all these worlds are in no way removed from us in space. In fact, they all occupy exactly the same space, and are all equally about us always. At the moment our consciousness is focused in and working through our physical brain, and thus we are conscious only of the physical world, and not even of the whole of that. But we have only to learn to focus that consciousness in one of these higher vehicles, and at once the physical fades from our view,

Cần phải luôn ghi nhớ rằng tất cả các thế giới này không hề tách rời khỏi chúng ta trong không gian. Trên thực tế, tất cả chúng chiếm giữ chính xác cùng một không gian, và tất cả đều luôn ở xung quanh chúng ta như nhau. Tại thời điểm này, tâm thức của chúng ta đang tập trung và hoạt động thông qua bộ não hồng trần, và do đó chúng ta chỉ nhận thức được thế giới hồng trần, và thậm chí không phải là toàn bộ thế giới đó. Nhưng chúng ta chỉ cần học cách tập trung tâm thức đó vào một trong

and we see instead the world of matter which corresponds to the vehicle used.

những vận cụ cao hơn này, và ngay lập tức cõi hồng trần sẽ mờ dần khỏi tầm nhìn của chúng ta, và thay vào đó chúng ta thấy thế giới vật chất tương ứng với vận cụ được sử dụng.

Recollect that all matter is in essence the same. Astral matter does not differ in its nature from physical matter any more than ice differs in its nature from steam. It is simply the same thing in a different condition. Physical matter may become astral, or astral may become mental, if only it be sufficiently subdivided, and caused to vibrate with the proper degree of rapidity.

Hãy nhớ rằng tất cả vật chất về bản chất là giống nhau. Vật chất cảm dục không khác về bản chất so với vật chất hồng trần, cũng giống như băng không khác về bản chất so với hơi nước. Nó chỉ đơn giản là cùng một thứ ở trong một trạng thái khác. Vật chất hồng trần có thể trở thành cảm dục, hoặc cảm dục có thể trở thành trí tuệ, nếu nó được phân chia đủ nhỏ và được làm cho rung động với mức độ nhanh chóng thích hợp.

THE TRUE MAN

CON NGƯỜI THỰC SỰ

What, then is the true man? He is in truth an emanation from the Logos, a spark of the Divine fire. The spirit within him is of the very essence of the Deity, and that spirit wears his soul as a vesture – a vesture which encloses and individualises it, and seems to our limited vision to separate it for a time from the rest of the Divine Life. The story of the original formation of the soul of man, and of the enfolding of the spirit within it, is a beautiful and interesting one, but too long for inclusion in a merely elementary work like this. It may be found in full detail in those of our books which deal with this part of the doctrine.

Vậy thì, con người thực sự là gì? Thật ra y là một sự xuất lộ từ Thượng đế, một tia lửa của Lửa thiêng liêng. Tinh thần bên trong y thuộc về chính nguyên khí của Thượng đế, và tinh thần đó mặc linh hồn của mình như một y phục – một y phục bao bọc và biệt ngã hóa nó, và đối với tầm nhìn hạn hẹp của chúng ta, nó dường như tách rời tinh thần đó trong một thời gian khỏi phần còn lại của Sự sống thiêng liêng. Câu chuyện về sự hình thành ban đầu của linh hồn con người, và về việc bao bọc tinh thần bên trong nó, là một câu chuyện đẹp đẽ và thú vị, nhưng quá dài để đưa vào một tác phẩm sơ cấp như thế này. Nó có thể được tìm thấy chi tiết đầy đủ trong những cuốn sách của chúng tôi đề cập đến phần giáo lý này.

Suffice it here to say that all three aspects of the Divine Life have their part in its inception, and that its formation is the culmination of that mighty sacrifice of the Logos in descending into matter, which has been called the Incarnation. Thus the baby soul is born; and just as it is “made in the image of God” – threefold in aspect, as He is, and threefold in manifestation, as He is also – so is its method

Ở đây chỉ cần nói rằng cả ba phương diện của Sự sống thiêng liêng đều có phần trong sự khởi đầu của nó, và sự hình thành của nó là đỉnh cao của sự hy sinh hùng vĩ đó của Thượng đế khi giáng hạ vào vật chất, điều đã được gọi là sự Lâm phàm. Do đó, linh hồn trẻ thơ được sinh ra; và cũng như nó được “tạo ra theo hình ảnh của Thượng đế” – tam phân về phương diện, như Ngài, và tam phân về biểu hiện, như

of evolution also a reflection of His descent into matter. The Divine Spark contains within it all potentiality, but it is only through long ages of evolution that all its possibilities can be realised.

Ngài – thì phương thức tiến hoá của nó cũng là một sự phản chiếu của sự giáng hạ của Ngài vào vật chất. Tia Lửa thiêng liêng chứa đựng bên trong nó tất cả tiềm năng, nhưng chỉ qua những thời đại tiến hoá lâu dài thì tất cả các khả năng của nó mới có thể được chứng nghiệm.

The appointed method for the evolution of the man's latent qualities seems to be by learning to vibrate in response to the impacts from without. But at the level where he finds himself (that of the higher mental plane) the vibrations are far too fine to awaken this response at present; he must begin with those that are coarser and stronger, and having awakened his dormant sensibilities by their means he will gradually grow more and more sensitive until he is capable of perfect response at all levels to all possible rates of vibration.

Phương pháp đã định cho sự khai mở các phẩm tính tiềm tàng của con người dường như là bằng cách học cách rung động để đáp ứng với các tác động từ bên ngoài. Nhưng ở cấp độ mà y thấy mình đang ở đó (cấp độ của cõi thượng trí), các rung động hiện tại là quá tinh vi để đánh thức sự đáp ứng này; y phải bắt đầu với những rung động thô hơn và mạnh hơn, và sau khi đã đánh thức những cảm nhận đang ngủ yên của mình bằng những phương tiện đó, y sẽ dần dần trở nên nhạy bén hơn cho đến khi có khả năng đáp ứng hoàn hảo ở mọi cấp độ với mọi tốc độ rung động có thể.

That is the material aspect of his progress; but regarded subjectively, to be able to respond to all vibrations means to be perfect in sympathy and compassion. And that is exactly the condition of the developed man –the adept, the spiritual teacher, the Christ. It needs the development within him of all the qualities which go to make up the perfect man; and this is the real work of his long life in matter. In this chapter we have brushed the surface of many subjects of extreme importance. Those who wish to study them further will find many Theosophical books to help them.

Đó là phương diện vật chất của sự tiến bộ của y; nhưng xét về mặt chủ quan, việc có thể đáp ứng với tất cả các rung động có nghĩa là trở nên hoàn hảo trong sự đồng cảm và lòng từ bi. Và đó chính xác là tình trạng của con người đã phát triển – chân sư, huấn sư tinh thần, Đức Christ. Nó cần sự phát triển bên trong y tất cả các phẩm tính để tạo nên con người hoàn thiện; và đây là công việc thực sự của đời sống lâu dài của y trong vật chất. Trong chương này, chúng ta đã lướt qua bề mặt của nhiều chủ đề cực kỳ quan trọng. Những ai muốn nghiên cứu thêm sẽ tìm thấy nhiều sách Thông Thiên Học để giúp đỡ họ.

On the constitution of man, we would refer readers to Mrs. Besant's works, Man and His Bodies, The Self And Its Sheaths, and The Seven Principles Of Man, and, also my own book, Man, Visible And Invisible, in which will be found many illustrations of the different vehicles of man as they appear to the

Về cấu tạo của con người, chúng tôi xin giới thiệu độc giả các tác phẩm của Bà Besant, Man and His Bodies, The Self And Its Sheaths, và The Seven Principles Of Man, và cả cuốn sách của chính tôi, Man, Visible And Invisible, trong đó sẽ tìm thấy nhiều hình minh họa về các vận cụ khác nhau của con người khi chúng

clairvoyant sight. On the use of the inner faculties refer to Clairvoyance.

On the formation and evolution of the soul to Mrs. Besant's Birth and Evolution of the Soul, Mr. Sinnett's Growth of the Soul, and my own Christian Creed and Man, Visible and Invisible.

On the spiritual evolution of man, Mrs. Besant's In the Outer Court and The Path of Discipleship, and the concluding chapters of my own little book, Invisible Helpers.

REINCARNATION

Since the finer movements cannot at first affect the soul, he has to draw round him vestures of grosser matter through which the heavier vibrations can play; and so he takes upon himself successively the mental body, the astral body, and the physical body. This is a birth or incarnation –the commencement of a physical life. During that life all kinds of experiences come to him through his physical body, and from them he should learn some lessons and develop some qualities in himself.

After a time he begins to withdraw into himself, and puts off by degrees the vestures which he has assumed. The first of these to drop is the physical body, and his withdrawal from that is what we call death. It is not the end of his activities, as we so ignorantly suppose; nothing could be further from the fact. He is simply withdrawing from one effort, bearing back with him its results; and after a certain period of comparative repose he will make another effort of the same kind.

Thus, as has been said, what we ordinarily call his life is only one day in the real and wider life

hiện ra trước thông nhãn. Về việc sử dụng các năng lực bên trong, hãy tham khảo cuốn Clairvoyance.

Về sự hình thành và tiến hoá của linh hồn, hãy tham khảo cuốn Birth and Evolution of the Soul của Bà Besant, Growth of the Soul của Ông Sinnett, và các cuốn Christian Creed và Man, Visible and Invisible của chính tôi.

Về sự tiến hoá tinh thần của con người, hãy tham khảo cuốn In the Outer Court và The Path of Discipleship của Bà Besant, và các chương kết thúc trong cuốn sách nhỏ của chính tôi, Invisible Helpers.

SỰ TÁI LÂM PHÀM

Vì những chuyển động tinh vi hơn ban đầu không thể ảnh hưởng đến linh hồn, y phải bao quanh mình những y phục bằng vật chất thô hơn mà qua đó các rung động nặng hơn có thể tác động; và vì vậy y lần lượt mang lấy thể trí, thể cảm dục và thể xác. Đây là một sự ra đời hay lâm phàm – sự bắt đầu của một đời sống hồng trần. Trong đời sống đó, đủ loại trải nghiệm đến với y thông qua thể xác của mình, và từ đó y nên học được một số bài học và phát triển một số phẩm tính trong chính mình.

Sau một thời gian, y bắt đầu rút vào bên trong mình, và dần dần cởi bỏ những y phục mà y đã mang lấy. Cái đầu tiên bị rơi ra là thể xác, và sự rút lui của y khỏi đó là cái mà chúng ta gọi là cái chết. Đó không phải là sự kết thúc các hoạt động của y, như chúng ta vẫn lầm tưởng một cách thiếu hiểu biết; không có gì có thể xa rời sự thật hơn thế. Y chỉ đơn giản là rút lui khỏi một nỗ lực, mang theo kết quả của nó; và sau một giai đoạn nghỉ ngơi tương đối nhất định, y sẽ thực hiện một nỗ lực khác cùng loại.

Vì vậy, như đã nói, cái mà chúng ta thường gọi là cuộc đời của y chỉ là một ngày trong đời sống

– a day at school, during which he learns certain lessons. But inasmuch as one short life of seventy or eighty years at most is not enough to give him an opportunity of learning all the lessons which this wonderful and beautiful world has to teach, and inasmuch as God means him to learn them all in His own good time, it is necessary that he should come back again many times, and live through many of these schooldays that we call lives, in different classes and under different circumstances, until all the lessons are learned; and then this lower schoolwork will be over, and he will pass to something higher and more glorious – the true divine lifework for which all this earthly school-life is fitting him.

thực sự và rộng lớn hơn – một ngày ở trường, trong đó y học những bài học nhất định. Nhưng vì một cuộc đời ngắn ngủi tối đa bảy mươi hay tám mươi năm không đủ để mang lại cho y cơ hội học tất cả các bài học mà thế giới tuyệt vời và đẹp đẽ này phải dạy, và vì Thượng đế muốn y học tất cả chúng vào thời điểm thích hợp của Ngài, nên y cần phải quay trở lại nhiều lần, và sống qua nhiều ngày đi học mà chúng ta gọi là những kiếp sống, trong các lớp học khác nhau và dưới những hoàn cảnh khác nhau, cho đến khi tất cả các bài học đều được học xong; và khi đó công việc ở trường học thấp này sẽ kết thúc, và y sẽ chuyển sang một điều gì đó cao cả và vinh quang hơn – công việc đời sống thiêng liêng thực sự mà tất cả đời sống trường học trần gian này đang chuẩn bị cho y.

That is what is called the doctrine of reincarnation or rebirth – a doctrine which was widely known in the ancient civilisations, and is even today held by the majority of the human race.

Đó là cái được gọi là giáo lý về sự tái lâm phàm hay tái sinh – một giáo lý đã được biết đến rộng rãi trong các nền văn minh cổ đại, và thậm chí ngày nay vẫn được đa số nhân loại tin theo.

Of it Hume has written:-

Về điều này, Hume đã viết:-

"What is incorruptible must also be ungenerable. The soul, therefore, if immortal, existed before our birth…..The metempsychosis is, therefore, the only system of this kind that Philosophy can hearken to." * (* Hume. "Essay on Immortality," London, 1875).

"Cái gì không thể hư nát thì cũng không thể được tạo ra. Linh hồn, do đó, nếu bất tử, đã tồn tại trước khi chúng ta sinh ra….. Thuyết luân hồi, do đó, là hệ thống duy nhất thuộc loại này mà Triết học có thể lắng nghe." * (* Hume. "Essay on Immortality," London, 1875).

Writing of the theories of metempsychosis in India and Greece, Max Muller says:- "There is something underlying them all which, if expressed in less mythological language, may stand the severest test of philosophical examination." # (# Max Muller, 'Theosophy or Psychological Religion,' p. 22, 1895 ed.)

Viết về các lý thuyết luân hồi ở Ấn Độ và Hy Lạp, Max Muller nói:- "Có một cái gì đó nằm dưới tất cả chúng mà nếu được diễn đạt bằng ngôn ngữ ít mang tính thần thoại hơn, có thể vượt qua cuộc kiểm tra khắt khe nhất của sự khảo sát triết học." # (# Max Muller, 'Theosophy or Psychological Religion,' p. 22, 1895 ed.)

In his last and posthumous work this great

Trong tác phẩm cuối cùng và được xuất bản

Orientalist again refers to this doctrine, and expresses his personal belief in it.

sau khi qua đời, nhà Đông phương học vĩ đại này lại đề cập đến giáo lý này, và bày tỏ niềm tin cá nhân của mình vào đó.

And Huxley writes: - "Like the doctrine of evolution itself, that of transmigration has its roots in the world of reality; and it may claim such support as the great argument from analogy is capable of supplying." * (* Huxley, "Evolution and Ethics," p. 61, 1895 ed.)

Và Huxley viết: - "Giống như chính thuyết tiến hoá, thuyết luân hồi có nguồn gốc từ thế giới thực tại; và nó có thể đòi hỏi sự hỗ trợ như lập luận vĩ đại từ sự tương đồng có khả năng cung cấp." * (* Huxley, "Evolution and Ethics," p. 61, 1895 ed.)

So it will be seen that modern as well as ancient writers recognise this hypothesis as one deserving of the most serious consideration.

Vì vậy, có thể thấy rằng các tác giả hiện đại cũng như cổ đại đều công nhận giả thuyết này là một giả thuyết xứng đáng được xem xét nghiêm túc nhất.

It must not for a moment be confounded with a theory held by the ignorant, that it was possible for a soul which had reached humanity in its evolution to re-become that of an animal. No such retrogression is within the limits of possibility; when once man comes into existence – a human soul, inhabiting what we call in our books a causal body – he can never again fall back into what is in truth a lower kingdom of nature, whatever mistakes he may make or however he may fail to take advantage of his opportunities. If he is idle in the school of life, he may need to take the same lesson over and over again before he has really learned it, but still on the whole progress is steady, even though it may often be slow. A few years ago the essence of this doctrine was prettily put thus in one of the magazines: -

Tuyệt đối không được nhầm lẫn nó với một lý thuyết được những người thiếu hiểu biết nắm giữ, rằng một linh hồn đã đạt đến mức nhân loại trong sự tiến hoá của nó có thể trở lại thành linh hồn của một con vật. Không có sự thoái hoá như vậy trong giới hạn của khả năng; một khi con người ra đời – một linh hồn nhân loại, cư ngụ trong cái mà chúng tôi gọi trong sách của mình là thể nguyên nhân – y không bao giờ có thể rơi trở lại vào cái thực sự là một giới thấp hơn của tự nhiên, bất kể y có thể phạm sai lầm gì hay y có thể thất bại trong việc tận dụng các cơ hội của mình như thế nào. Nếu y lười biếng trong ngôi trường đời, y có thể cần phải học đi học lại cùng một bài học trước khi thực sự học được nó, nhưng nhìn chung sự tiến bộ vẫn đều đặn, ngay cả khi nó thường chậm chạp. Một vài năm trước, bản chất của giáo lý này đã được trình bày một cách thi vị như sau trong một trong các tạp chí: -

"A boy went to school. He was very little. All that he knew he had drawn in with his mother's milk. His teacher (who was God) placed him in the lowest class, and gave him these lessons to learn: Thou shalt not kill. Thou shalt do no hurt to any living thing. Thou shalt not steal. So the man did not kill;

"Một cậu bé đi học. Cậu còn rất nhỏ. Tất cả những gì cậu biết cậu đã tiếp nhận cùng với sữa mẹ. Huấn sư của cậu (chính là Thượng đế) đã xếp cậu vào lớp thấp nhất, và đưa cho cậu những bài học này để học: Ngươi không được giết chóc. Ngươi không được làm hại bất kỳ sinh vật nào. Ngươi không được trộm cắp. Vì

but he was cruel, and he stole, - At the end of the day (when his beard was grey – when the night was come) his teacher (who was God) said – Thou hast learned not to kill. But the other lessons thou hast not learned. Come back tomorrow."

vậy, người đó đã không giết chóc; nhưng y độc ác, và y đã trộm cắp, - Vào cuối ngày (khi râu y đã bạc – khi đêm đã đến) huấn sư của y (chính là Thượng đế) nói – Con đã học được cách không giết chóc. Nhưng những bài học khác con chưa học được. Ngày mai hãy quay lại."

"On the morrow he came back, a little boy, and his teacher (who was God) put him in a class a little higher, and gave him these lessons to learn: Thou shalt do no hurt to any living thing. Thou shalt not steal. Thou shalt not cheat. So the man did no hurt to any living thing; but he stole and he cheated. And at the end of the day – when his beard was grey – when the night was come – his teacher (who was god) said: Thou hast learned to be merciful. But the other lessons thou hast not learned. Come back tomorrow."

"Vào ngày mai y quay lại, một cậu bé nhỏ, và huấn sư của y (chính là Thượng đế) xếp y vào một lớp cao hơn một chút, và đưa cho y những bài học này để học: Ngươi không được làm hại bất kỳ sinh vật nào. Ngươi không được trộm cắp. Ngươi không được gian lận. Vì vậy, người đó đã không làm hại bất kỳ sinh vật nào; nhưng y đã trộm cắp và y đã gian lận. Và vào cuối ngày – khi râu y đã bạc – khi đêm đã đến – huấn sư của y (chính là Thượng đế) nói: Con đã học được cách nhân từ. Nhưng những bài học khác con chưa học được. Ngày mai hãy quay lại."

"Again, on the morrow, he came back, a little boy. And his teacher (who was God) put him in a class yet a little higher, and gave these lessons to learn: Thou shalt not steal. Thou shalt not cheat. Thou shalt not covet. So the man did not steal; but he cheated, and he coveted. And at the end of the day – (when his beard was grey –when night was come) his teacher (who was God) said: Thou hast learned not to steal. But the other lessons thou hast not learned. Come back, my child, tomorrow."

"Lần nữa, vào ngày mai, y quay lại, một cậu bé nhỏ. Và huấn sư của y (chính là Thượng đế) xếp y vào một lớp cao hơn một chút nữa, và đưa những bài học này để học: Ngươi không được trộm cắp. Ngươi không được gian lận. Ngươi không được tham lam. Vì vậy, người đó đã không trộm cắp; nhưng y đã gian lận, và y đã tham lam. Và vào cuối ngày – (khi râu y đã bạc – khi đêm đã đến) huấn sư của y (chính là Thượng đế) nói: Con đã học được cách không trộm cắp. Nhưng những bài học khác con chưa học được. Con của ta, ngày mai hãy quay lại."

"This is what I have read in the faces of men and women, in the book of the world, and in the scroll of the heavens, which is writ in the stars." (Berry Benson, in The Century Magazine, May 1894).

"Đây là những gì tôi đã đọc được trên khuôn mặt của những người nam và nữ, trong cuốn sách của thế gian, và trong cuộn giấy của bầu trời, vốn được viết bằng các vì sao." (Berry Benson, trong The Century Magazine, tháng 5 năm 1894).

I must not fill my pages with the many unanswerable arguments in favour of this doctrine of reincarnation; they are set forth

Tôi không được phép lấp đầy các trang viết của mình bằng nhiều lập luận không thể bác bỏ ủng hộ giáo lý tái lâm phàm này; chúng được

very fully in our literature by a far abler pen than mine. Here I will say only this. Life presents us with many problems which, on any other hypothesis than this of reincarnation, seem utterly insoluble; this great truth does explain them, and therefore holds the field until another more satisfactory hypothesis can be found. Like the rest of the teaching, this is not a Hypothesis, but a matter of direct knowledge for many of us; but naturally our knowledge is not proof to others.

trình bày rất đầy đủ trong văn chương của chúng tôi bởi một ngòi bút tài năng hơn tôi nhiều. Ở đây tôi sẽ chỉ nói điều này. Cuộc sống đặt ra cho chúng ta nhiều vấn đề mà, dựa trên bất kỳ giả thuyết nào khác ngoài giả thuyết tái lâm phàm này, dường như hoàn toàn không thể giải quyết được; chân lý vĩ đại này giải thích được chúng, và do đó giữ vững vị thế cho đến khi một giả thuyết khác thỏa đáng hơn có thể được tìm thấy. Giống như phần còn lại của giáo huấn, đây không phải là một Giả thuyết, mà là một vấn đề của kiến thức trực tiếp đối với nhiều người trong chúng ta; nhưng tự nhiên kiến thức của chúng ta không phải là bằng chứng đối với những người khác.

Yet good men and true have been sorrowfully forced to admit that they were unable to reconcile the state of affairs which exists in the world around us with the theory that God was both almighty and all-loving. They felt, when they looked upon all the heartbreaking sorrow and suffering, that either He was not almighty, and could not prevent it, or He was not all-loving, and did not care. In Theosophy we hold with determined conviction that He is both almighty and all-loving, and we reconcile with that certainty the existing facts of life by means of this basic doctrine of reincarnation. Surely the only hypothesis which allows us reasonably to recognise the perfection of power and love in the Deity is one which is worthy of careful examination.

Tuy nhiên, những người tốt và chân chính đã đau buồn buộc phải thừa nhận rằng họ không thể dung hòa tình trạng đang tồn tại trong thế giới xung quanh chúng ta với lý thuyết rằng Thượng đế vừa toàn năng vừa toàn ái. Họ cảm thấy, khi nhìn vào tất cả những nỗi đau buồn và đau khổ xé lòng, rằng hoặc Ngài không toàn năng và không thể ngăn chặn nó, hoặc Ngài không toàn ái và không quan tâm. Trong Thông Thiên Học, chúng tôi giữ vững niềm tin kiên định rằng Ngài vừa toàn năng vừa toàn ái, và chúng tôi dung hòa sự chắc chắn đó với các sự thật hiện hữu của cuộc sống bằng giáo lý cơ bản về sự tái lâm phàm này. Chắc chắn giả thuyết duy nhất cho phép chúng ta công nhận một cách hợp lý sự hoàn hảo của quyền năng và tình thương nơi Thượng đế là một giả thuyết xứng đáng được khảo sát cẩn thận.

For we understand that our present life is not our first, but that each have behind us a long line of lives, by means of which we have evolved from the condition of primitive man to our present position. Assuredly in these past lives we shall have done both good and evil, and from every one of our actions a definite proportion of result must have followed under the inexorable law of justice.

Vì chúng ta thấu hiểu rằng cuộc đời hiện tại không phải là cuộc đời đầu tiên của chúng ta, mà mỗi người đều có phía sau mình một dòng dài các kiếp sống, nhờ đó chúng ta đã tiến hoá từ tình trạng của con người nguyên thủy đến vị trí hiện tại của mình. Chắc chắn trong những kiếp quá khứ này, chúng ta đã làm cả điều thiện và điều ác, và từ mỗi hành động của chúng ta, một tỷ lệ kết quả xác định phải theo

From the good follows always happiness and further opportunity; from the evil follows always sorrow and limitation.

sau dưới định luật công lý không thể lay chuyển. Từ điều thiện luôn dẫn đến hạnh phúc và cơ hội xa hơn; từ điều ác luôn dẫn đến đau khổ và giới hạn.

So, if we find ourselves limited in any way, the limitation is of our own making, or is merely due to the youth of the soul; if we have sorrow and suffering to endure, we ourselves alone are responsible. The manifold and complex destinies of men answer with rigid exactitude to the balance between the good and evil of their previous actions; and all is moving onward under the divine order towards the final consummation of glory.

Vì vậy, nếu chúng ta thấy mình bị giới hạn theo bất kỳ cách nào, thì sự giới hạn đó là do chính chúng ta tạo ra, hoặc chỉ đơn thuần là do sự non trẻ của linh hồn; nếu chúng ta có đau khổ và chịu đựng phải cam chịu, thì chỉ một mình chúng ta chịu trách nhiệm. Những số phận đa dạng và phức tạp của con người đáp ứng với sự chính xác cứng nhắc đối với sự cân bằng giữa thiện và ác của các hành động trước đây của họ; và tất cả đang tiến về phía trước dưới trật tự thiêng liêng hướng tới sự hoàn tất vinh quang cuối cùng.

There is perhaps, no Theosophical teaching to which more violent objection is made than this great truth of reincarnation; yet it is in reality a most comforting doctrine. For it gives us time for the progress which lies before – time and opportunity to become "perfect". Objectors chiefly found their protest on the fact that they have had so much trouble and sorrow in this life that they will not listen to any suggestion that it may be necessary to go through it all again. But this is obviously not argument; we are in search of truth, and when it is found we must not shrink from it, whether it be pleasant or unpleasant, though, as a matter of fact, as said above, reincarnation rightly understood is profoundly comforting.

Có lẽ không có giáo huấn Thông Thiên Học nào bị phản đối dữ dội hơn chân lý vĩ đại về sự tái lâm phàm này; tuy nhiên trên thực tế nó là một giáo lý an ủi nhất. Vì nó cho chúng ta thời gian cho sự tiến bộ nằm ở phía trước – thời gian và cơ hội để trở nên "hoàn thiện". Những người phản đối chủ yếu dựa trên thực tế là họ đã gặp quá nhiều rắc rối và đau buồn trong đời này đến nỗi họ sẽ không nghe bất kỳ gợi ý nào rằng có thể cần phải trải qua tất cả những điều đó một lần nữa. Nhưng đây rõ ràng không phải là lập luận; chúng ta đang tìm kiếm sự thật, và khi nó được tìm thấy, chúng ta không được né tránh nó, dù nó dễ chịu hay khó chịu, mặc dù, như một sự thật đã nói ở trên, sự tái lâm phàm khi được hiểu đúng là một niềm an ủi sâu sắc.

Again, people often enquire why, if we have had so many previous lives, we do not remember any of them. Put briefly, the answer to this is that some people do remember them; and the reason why the majority do not is because their consciousness is still focused in one or other of the lower sheaths. That sheath cannot be expected to

Lại nữa, mọi người thường thắc mắc tại sao, nếu chúng ta đã có rất nhiều tiền kiếp, chúng ta lại không nhớ được bất kỳ kiếp nào trong số đó. Nói một cách ngắn gọn, câu trả lời cho điều này là một số người thực sự có nhớ; và lý do khiến đa số không nhớ là vì tâm thức của họ vẫn còn tập trung vào một hoặc các lớp vỏ thấp khác. Lớp vỏ đó không thể được kỳ vọng là sẽ

recollect previous incarnations, because it has not had any; and the soul, which has, is not yet fully conscious on its own plane. But the memory of all the past is stored within the soul, and expresses itself here in the innate qualities with which the child is born; and when the man has evolved sufficiently to be able to focus his consciousness there instead of only in lower vehicles the entire history of that real and wider life will be open before him like a book.

nhớ lại các lần lâm phàm trước đây, bởi vì bản thân nó chưa từng trải qua lần nào; và linh hồn, vốn là thực thể đã trải qua, vẫn chưa hoàn toàn có ý thức trên cõi giới của chính nó. Nhưng ký ức về tất cả quá khứ đều được lưu trữ bên trong linh hồn, và tự biểu hiện ở đây qua những phẩm tính bẩm sinh mà đứa trẻ khi sinh ra đã có; và khi con người đã tiến hóa đủ để có thể tập trung tâm thức của mình tại đó thay vì chỉ ở trong các vận cụ thấp, thì toàn bộ lịch sử của cuộc đời thực sự và rộng lớn hơn đó sẽ mở ra trước mắt y như một cuốn sách.

The whole of this question is fully and beautifully worked out in Mrs. Besant's manual on Reincarnation, Dr, Jerome Anderson's Reincarnation and in the chapters on that subject in The Ancient Wisdom, to which the attention of the reader is specially directed.

Toàn bộ vấn đề này đã được trình bày đầy đủ và tuyệt đẹp trong sách hướng dẫn về Luân hồi của Bà Besant, cuốn Luân hồi của Tiến sĩ Jerome Anderson và trong các chương về chủ đề đó trong cuốn Minh Triết Ngàn Đời, mà sự chú ý của độc giả đặc biệt được hướng tới.

THE WIDER OUTLOOK

TẦM NHÌN RỘNG LỚN HƠN

A little thought will soon show us what a radical change is introduced into the life of the man who realises that his physical life is nothing but a day at school, and that his physical body is merely a temporary vesture assumed for the purpose of learning through it. He sees at once that this purpose of "learning the lesson" is the only one of any importance, and that the man who allows himself to be diverted from that purpose by any consideration is acting with inconceivable stupidity.

Một chút suy ngẫm sẽ sớm cho chúng ta thấy một sự thay đổi căn bản được đưa vào cuộc đời của người nhận ra rằng đời sống hồng trần của mình không gì khác hơn là một ngày ở trường học, và thể xác của y chỉ đơn thuần là một bộ y phục tạm thời được khoác lên nhằm mục đích học hỏi thông qua nó. Y thấy ngay rằng mục đích "học bài học" này là điều duy nhất có bất kỳ tầm quan trọng nào, và người nào để mình bị xao nhãng khỏi mục đích đó bởi bất kỳ sự cân nhắc nào đều đang hành động với một sự ngu xuẩn không thể tưởng tượng nổi.

To him who knows the truth, the life of the ordinary person devoted exclusively to physical objects, to the pursuit of wealth and fame, appears the merest child's play – a senseless sacrifice of all that is really worth having for a few moments gratification of the lower parts of man's nature. The student "sets his affection on things above, and not on

Đối với người biết sự thật, cuộc sống của một người bình thường chỉ dành riêng cho các mục tiêu vật chất, cho việc theo đuổi giàu sang và danh vọng, dường như chỉ là trò đùa của trẻ con – một sự hy sinh vô nghĩa tất cả những gì thực sự đáng giá để đổi lấy vài khoảnh khắc thỏa mãn những phần thấp kém trong bản chất con người. Học viên "đặt tình cảm của

things of the earth", not only because he sees this to be a right course of action, but because he realises very clearly the valuelessness of these things of earth. He always tries to take the higher point of view, for he sees that the lower is utterly unreliable – that the lower desires and feelings gather round him like a dense fog, and make it impossible for him to see anything clearly from that level.

mình vào những điều cao cả bên trên, chứ không phải vào những thứ thuộc về thế gian", không chỉ vì y thấy đây là một lộ trình hành động đúng đắn, mà còn vì y nhận thức rất rõ ràng sự vô giá trị của những thứ thế gian này. Y luôn cố gắng đứng từ quan điểm cao hơn, vì y thấy rằng quan điểm thấp hơn hoàn toàn không đáng tin cậy – rằng những ham muốn và cảm xúc thấp kém vây quanh y như một màn sương mù dày đặc, và khiến y không thể nhìn thấy bất cứ điều gì rõ ràng từ cấp độ đó.

Yet even when he is thoroughly convinced that the higher course is always the right one, and when he is fully determined to follow it, he will nevertheless sometimes encounter very strong temptations to take the lower course, and will be sensible of a great struggle within him. He will discover that there is "a law of the members warring against the law of the mind", as St. Paul says, so that "those things that I would, I do not, and the thing which I would not, that I do".

Tuy nhiên, ngay cả khi y đã hoàn toàn bị thuyết phục rằng lộ trình cao hơn luôn là lộ trình đúng đắn, và khi y hoàn toàn quyết tâm đi theo nó, y đôi khi vẫn sẽ gặp phải những cám dỗ rất mạnh mẽ để đi theo lộ trình thấp hơn, và sẽ cảm nhận được một cuộc đấu tranh lớn lao bên trong mình. Y sẽ khám phá ra rằng có "một quy luật của các chi thể gây chiến với quy luật của trí tuệ", như Thánh Paul đã nói, sao cho "những điều tôi muốn, tôi không làm, và điều tôi không muốn, tôi lại làm".

Now good religious people often make the most serious mistakes about this interior struggle which we have all felt to a greater or less extent. They usually accept one or two theories on the subject. Either they suppose that the lower promptings come from exterior tempting demons, or else they mourn over the terrible wickedness and blackness of their hearts, in that such fathomless evil still exists within them. Indeed, many of the best men and women go through a vast amount of totally unnecessary suffering on this account.

Giờ đây, những người sùng đạo tốt lành thường mắc phải những sai lầm nghiêm trọng nhất về cuộc đấu tranh nội tâm này mà tất cả chúng ta đều đã cảm thấy ở mức độ nhiều hay ít. Họ thường chấp nhận một hoặc hai giả thuyết về chủ đề này. Hoặc là họ giả định rằng những thôi thúc thấp kém đến từ những con quỷ cám dỗ bên ngoài, hoặc là họ than khóc về sự gian ác và đen tối khủng khiếp của trái tim mình, vì cái ác sâu thẳm như vậy vẫn tồn tại bên trong họ. Thật vậy, nhiều người nam và nữ tốt nhất đã phải trải qua một lượng lớn đau khổ hoàn toàn không cần thiết vì lý do này.

The first point to have clearly in mind if one wishes to understand this matter is that the lower desire is not in truth our desire at all. Nor is it the work of some demon trying to destroy our souls. It is true that there sometimes are evil entities which are

Điểm đầu tiên cần ghi nhớ rõ ràng nếu muốn thấu hiểu vấn đề này là ham muốn thấp kém thực sự không phải là ham muốn của chúng ta chút nào. Nó cũng không phải là tác phẩm của một con quỷ nào đó đang cố gắng hủy hoại linh hồn chúng ta. Đúng là đôi khi có những

attracted by the base thought in man, and intensify it by their action; but such entities are man-made, everyone of them, and impermanent. They are merely artificial forms called into existence by the thought of other evil men, and they have a period of what seems almost like life, proportioned to the strength of the thought that created them.

thực thể xấu xa bị thu hút bởi tư tưởng đê hèn trong con người, và làm gia tăng nó bằng hành động của chúng; nhưng những thực thể như vậy đều do con người tạo ra, từng thực thể một, và không trường tồn. Chúng chỉ đơn thuần là những hình tướng nhân tạo được gọi vào sự tồn tại bởi tư tưởng của những người xấu khác, và chúng có một giai đoạn dường như gần giống như sự sống, tương ứng với sức mạnh của tư tưởng đã tạo ra chúng.

But the undesirable prompting within us usually comes from quite another source. It has been mentioned how man draws round him vestures of matter at different levels, in order that he may descend into incarnation. But this matter is not dead matter (indeed, occult science teaches us that there is no such thing as dead matter anywhere), but it is instinct with life; though it is life at a stage of evolution much earlier than our own – so much earlier that it is still moving on a downward course into lower matter, instead of rising again out of lower matter into higher.

Nhưng thôi thúc không mong muốn bên trong chúng ta thường đến từ một nguồn hoàn toàn khác. Đã có đề cập đến việc con người thu hút quanh mình những lớp vỏ vật chất ở các cấp độ khác nhau, để y có thể giáng hạ lâm phàm. Nhưng vật chất này không phải là vật chất chết (thật vậy, huyền bí học dạy chúng ta rằng không có thứ gọi là vật chất chết ở bất cứ đâu), mà nó tràn đầy sự sống; mặc dù đó là sự sống ở một giai đoạn tiến hóa sớm hơn nhiều so với chúng ta – sớm đến mức nó vẫn đang di chuyển trên một lộ trình đi xuống vào vật chất thấp hơn, thay vì trỗi dậy trở lại từ vật chất thấp hơn lên cao hơn.

Consequently its tendency is always to press downwards towards the grosser material and the coarser vibrations which mean progress for it, but retrogression for us; and so it happens that the interest of the true man sometimes comes into collision with that of the living matter in some of his vehicles.

Do đó, xu hướng của nó luôn là ép xuống phía dưới hướng tới vật chất thô đặc hơn và những rung động thô thiển hơn, vốn có nghĩa là sự tiến bộ đối với nó, nhưng lại là sự thoái bộ đối với chúng ta; và vì vậy xảy ra việc lợi ích của con người thực sự đôi khi xung đột với lợi ích của vật chất sống trong một số vận cụ của y.

That is a very rough outline of the explanation of the curious internal strife that we sometimes feel – a strife which has suggested to the poetic minds the idea of good and evil angels in conflict over the soul of man. A more detailed account will be found in The Astral Plane, p. 40. But in the meantime it is important that the man should realise that he is the higher force, always moving towards and battling for good, while this lower force is

Đó là một phác thảo rất sơ lược về lời giải thích cho cuộc xung đột nội tâm kỳ lạ mà đôi khi chúng ta cảm thấy – một cuộc xung đột đã gợi ý cho những tâm hồn thi sĩ ý tưởng về các thiên thần thiện và ác đang tranh đấu giành lấy linh hồn con người. Một bản tường thuật chi tiết hơn sẽ được tìm thấy trong cuốn Cõi Cảm Dục, trang 40. Nhưng trong lúc này, điều quan trọng là con người nên nhận ra rằng y là mãnh lực cao hơn, luôn hướng tới và chiến đấu

not he at all, but only an uncontrolled fragment of one of his lower vehicles. He must learn to control it, to dominate it absolutely, and to keep it in order; but he should not therefore, think of it as evil, but as an outpouring of the Divine power moving on its orderly course, though that course in this instance happens to be downwards into matter, instead of upwards and away from it, as ours is.

cho cái thiện, trong khi mãnh lực thấp hơn này hoàn toàn không phải là y, mà chỉ là một mảnh không được kiểm soát của một trong những vận cụ thấp của y. Y phải học cách kiểm soát nó, chế ngự nó một cách tuyệt đối, và giữ nó trong trật tự; nhưng y không nên vì thế mà nghĩ về nó như là cái ác, mà là một sự tuôn đổ của quyền năng Thiêng liêng đang di chuyển trên lộ trình trật tự của nó, mặc dù lộ trình đó trong trường hợp này tình cờ là đi xuống vào vật chất, thay vì đi lên và rời xa nó, như lộ trình của chúng ta.

DEATH

CÁI CHẾT

One of the most important practical results of a thorough comprehension of Theosophical truth is the entire change which is necessary brings about in our attitude towards death. It is impossible for us to calculate the vast amount of utterly unnecessary sorrow and terror and misery which mankind in the aggregate has suffered simply from its ignorance and superstition with regard to this one matter of death. There is among us a mass of false and foolish belief along this line which has worked untold evil in the past and is causing indescribable suffering in the present, and its eradication would be one of the greatest benefits that could be conferred upon the human race.

Một trong những kết quả thực tiễn quan trọng nhất của sự thấu hiểu thấu đáo sự thật Thông Thiên Học là sự thay đổi hoàn toàn tất yếu mang lại trong thái độ của chúng ta đối với cái chết. Chúng ta không thể tính toán hết lượng đau buồn, sợ hãi và khổ sở hoàn toàn không cần thiết mà nhân loại nói chung đã phải chịu đựng chỉ vì sự thiếu hiểu biết và mê tín của mình đối với vấn đề cái chết này. Giữa chúng ta có một khối niềm tin sai lầm và ngu ngốc theo hướng này, vốn đã gây ra những tai họa khôn lường trong quá khứ và đang gây ra những đau khổ không thể tả xiết trong hiện tại, và việc loại bỏ nó sẽ là một trong những lợi ích lớn nhất có thể mang lại cho nhân loại.

This benefit the Theosophical teaching at once confers on those who, from their study of philosophy in past lives, now find themselves able to accept it. It robs death forthwith of all its terror and much of its sorrow, and enables us to see it in its true proportions and to understand its place in the scheme of our evolution.

Lợi ích này mà giáo lý Thông Thiên Học ngay lập tức mang lại cho những người, từ việc nghiên cứu triết học của họ trong các kiếp trước, giờ đây thấy mình có thể chấp nhận nó. Nó tước bỏ ngay lập tức mọi nỗi khiếp sợ và phần lớn nỗi đau buồn của cái chết, và cho phép chúng ta nhìn thấy nó theo đúng tỉ lệ thực sự của nó và thấu hiểu vị trí của nó trong sơ đồ tiến hóa của chúng ta.

While death is considered as the end of life, as the gateway into a dim but fearful unknown

Chừng nào cái chết còn được coi là sự kết thúc của sự sống, là cánh cổng dẫn vào một vùng

country, it is not unnaturally regarded with much misgiving, if not with positive terror. Since, in spite of all religious teaching to the contrary this has been the view universally taken in the western world, many grisly horrors have sprung up around it, and have become matters of custom, thoughtlessly obeyed by many who should know better.

đất xa lạ mờ mịt nhưng đáng sợ, thì việc nó bị nhìn nhận với nhiều sự lo ngại, nếu không muốn nói là nỗi khiếp sợ thực sự, là điều không tự nhiên. Vì, bất chấp mọi giáo lý tôn giáo ngược lại, đây vẫn là quan điểm được chấp nhận phổ biến ở thế giới phương Tây, nhiều nỗi kinh hoàng rùng rợn đã nảy sinh xung quanh nó, và đã trở thành những vấn đề tập tục, được tuân theo một cách thiếu suy nghĩ bởi nhiều người lẽ ra phải hiểu biết hơn.

All the ghastly paraphernalia of woe – the mutes, the plumes, the black velvet, the crape, the mourning garments, the black-edged note paper –all these are nothing more than advertisements of ignorance on the part of those who employ them. The man who begins to understand what death is at once puts aside all this masquerade as childish folly, seeing that to mourn over the good fortune of his friend merely because it involves for himself the pain of apparent separation from that friend, becomes, as soon as it is recognised, a display of selfishness.

Tất cả những trang thiết bị tang tóc ghê rợn – những người đưa tang thuê, những chiếc lông vũ, nhung đen, vải tang, quần áo tang, giấy viết thư viền đen – tất cả những thứ này không gì khác hơn là những sự quảng cáo cho sự thiếu hiểu biết của những người sử dụng chúng. Người bắt đầu thấu hiểu cái chết là gì sẽ ngay lập tức gạt bỏ tất cả màn hóa trang này như là sự ngu xuẩn trẻ con, thấy rằng việc đau buồn trước vận may của người bạn mình chỉ đơn thuần vì nó gây ra cho chính mình nỗi đau của sự chia ly dường như với người bạn đó, sẽ trở thành một sự phô trương tính ích kỷ ngay khi nó được nhận ra.

He cannot avoid feeling the wrench of the temporary separation, but he can avoid allowing his own pain to become a hindrance to the friend who has passed on. He knows that there can be no need to fear or to mourn over death, whether it comes to himself or to those whom he loves. It has come to them all often before, so that there is nothing unfamiliar about it. Instead of representing it as a ghastly king of terrors, it would be more accurate and more sensible to symbolise it as an angel bearing a golden key to admit us to the glorious realms of the higher life.

Y không thể tránh khỏi việc cảm thấy sự đau đớn của cuộc chia ly tạm thời, nhưng y có thể tránh để nỗi đau của chính mình trở thành một trở ngại cho người bạn đã ra đi. Y biết rằng không cần phải sợ hãi hay đau buồn trước cái chết, cho dù nó đến với chính y hay với những người y yêu thương. Nó đã đến với tất cả họ thường xuyên trước đây, vì vậy không có gì xa lạ về nó. Thay vì trình bày nó như một vị vua của những nỗi khiếp sợ ghê rợn, sẽ chính xác hơn và hợp lý hơn nếu biểu tượng hóa nó như một thiên thần mang chiếc chìa khóa vàng để cho phép chúng ta bước vào những cõi giới huy hoàng của đời sống cao hơn.

He realises very definitely that life is continuous, and that the loss of the physical body is nothing more than the casting aside of

Y nhận ra rất rõ ràng rằng sự sống là liên tục, và việc mất đi thể xác không gì khác hơn là việc vứt bỏ một bộ y phục vốn không hề làm thay

a garment which in no way changes the real man who is the wearer of the garment. He sees that death is simply a promotion from a life which is more than half-physical to one which is wholly astral, and therefore very much superior. So, for himself he unfeignedly welcomes it, and when it comes to those whom he loves, he recognises at once the great advantage for them, even though he cannot feel a certain amount of selfish regret that he should be temporarily separated from them.

đổi con người thực sự, là người mặc bộ y phục đó. Y thấy rằng cái chết đơn giản là một sự thăng cấp từ một đời sống vốn hơn một nửa là hồng trần sang một đời sống hoàn toàn thuộc về cảm dục, và do đó vượt trội hơn rất nhiều. Vì vậy, đối với chính mình, y thực lòng chào đón nó, và khi nó đến với những người y yêu thương, y nhận ra ngay lợi ích to lớn cho họ, ngay cả khi y không thể không cảm thấy một mức độ hối tiếc ích kỷ nào đó vì phải tạm thời xa cách họ.

But he knows also that this separation is in fact only apparent, and not real. He knows that the so-called dead are near him still, and that he has only to cast off temporarily his physical body in sleep, in order to stand side by side with them and commune with them as before. He sees clearly that the world is one and that the same Divine laws rule the whole of it, whether it be visible or invisible to the physical sight. Consequently he has no feeling of nervousness or strangeness in passing from one part of it to the other, and no sort of uncertainty as to what he will find on the other side of the veil.

Nhưng y cũng biết rằng sự chia ly này trên thực tế chỉ là vẻ ngoài, chứ không phải thật. Y biết rằng những người được gọi là đã chết vẫn ở gần y, và y chỉ cần tạm thời trút bỏ thể xác của mình trong giấc ngủ, để có thể đứng cạnh bên họ và giao tiếp với họ như trước. Y thấy rõ rằng thế giới là một và cùng những định luật Thiêng liêng cai quản toàn bộ thế giới đó, cho dù nó hữu hình hay vô hình đối với thị giác hồng trần. Do đó, y không có cảm giác lo lắng hay lạ lẫm khi chuyển từ phần này sang phần khác của thế giới, và không có bất kỳ sự không chắc chắn nào về những gì y sẽ tìm thấy ở phía bên kia bức màn.

The whole of the unseen world is so clearly and fully mapped out for him through the work of the Theosophical investigators that it is well known to him as the physical life, and thus he is prepared to enter upon it without hesitation whenever it may be best for his evolution. For full details of the various stages of this higher life we must refer the reader to the books specially devoted to this subject. It is sufficient here to say that the conditions into which the man passes are precisely those which the man passes are precisely those which he has made for himself. The thoughts and desires which he has encouraged within himself during earth-life take form as definite living entities hovering round him and reacting upon him until the energy which he

Toàn bộ thế giới vô hình được vạch ra rõ ràng và đầy đủ cho y thông qua công việc của các nhà điều tra Thông Thiên Học đến mức nó được y biết rõ như đời sống hồng trần, và do đó y sẵn sàng bước vào đó mà không chút do dự bất cứ khi nào điều đó là tốt nhất cho sự tiến hóa của y. Để biết chi tiết đầy đủ về các giai đoạn khác nhau của đời sống cao hơn này, chúng ta phải giới thiệu độc giả đến các cuốn sách chuyên biệt về chủ đề này. Ở đây chỉ cần nói rằng những điều kiện mà con người bước vào chính xác là những điều kiện mà y đã tự tạo ra cho mình. Những tư tưởng và ham muốn mà y đã nuôi dưỡng bên trong mình trong suốt đời sống trần gian sẽ thành hình như những thực thể sống xác định lơ lửng quanh y và tác động ngược lại y cho đến khi

poured into them is exhausted.

năng lượng mà y đổ vào chúng cạn kiệt.

When such thoughts and desires have been powerful and persistently evil, the companions so created may indeed be terrible; but happily such cases form a very small minority among the dwellers in the astral world. The worst that the ordinary man of the world usually provides for himself after death is a useless and unutterably wearisome existence, void of all rational interests – the natural sequence of a life wasted in self-indulgence, triviality, and gossip here on earth.

Khi những tư tưởng và ham muốn như vậy mạnh mẽ và xấu xa một cách dai dẳng, những người bạn đồng hành được tạo ra như vậy thực sự có thể rất khủng khiếp; nhưng may mắn thay những trường hợp như vậy chỉ chiếm một thiểu số rất nhỏ trong số những cư dân ở cõi cảm dục. Điều tồi tệ nhất mà một người bình thường của thế gian thường chuẩn bị cho mình sau khi chết là một sự tồn tại vô dụng và mệt mỏi khôn tả, trống rỗng mọi mối quan tâm hợp lý – hệ quả tự nhiên của một cuộc đời lãng phí trong sự buông thả bản thân, sự tầm thường và những chuyện phiếm ở đây trên trái đất.

To this weariness active suffering may under certain conditions be added. If a man during earth-life has allowed strong physical desire to obtain a mastery over him – if, for example, he has become a slave to such a vice as avarice, sensuality, or drunkenness – he has laid up for himself much purgatorial suffering after death. For in losing the physical body he in no way loses these desires and passions; they remain as vivid as ever – nay, they are even more active when they have no longer the heavy particles of dense matter to set in motion. What he does lose is the power to gratify these passions; so that they remain as torturing, gnawing desires, unsatisfied and unsatisfiable. It will be seen that this makes a very real hell for the unfortunate man, though of course only a temporary one, since in process of time such desires must burn themselves out, expending their energy in the very suffering which they produce.

Vào sự mệt mỏi này, sự đau khổ tích cực có thể được thêm vào trong những điều kiện nhất định. Nếu một người trong đời sống trần gian đã để cho ham muốn hồng trần mạnh mẽ chiếm quyền kiểm soát mình – ví dụ, nếu y đã trở thành nô lệ cho một thói xấu như tham lam, dâm dục hoặc say rượu – y đã tích trữ cho mình nhiều đau khổ thanh luyện sau khi chết. Vì khi mất đi thể xác, y không hề mất đi những ham muốn và đam mê này; chúng vẫn sống động như bao giờ hết – thậm chí, chúng còn hoạt động mạnh hơn khi không còn những hạt vật chất đậm đặc nặng nề để vận động. Những gì y thực sự mất đi là khả năng thỏa mãn những đam mê này; vì vậy chúng vẫn còn đó như những ham muốn hành hạ, gặm nhấm, không được thỏa mãn và không thể thỏa mãn. Có thể thấy rằng điều này tạo ra một địa ngục rất thực cho con người bất hạnh đó, mặc dù tất nhiên chỉ là tạm thời, vì theo thời gian những ham muốn như vậy phải tự thiêu rụi, tiêu hao năng lượng của chúng trong chính sự đau khổ mà chúng tạo ra.

A terrible fate, truly; yet there are two points which we should bear in mind with regard to it. First, that the man has not only brought it

Một số phận khủng khiếp, thực sự; tuy nhiên có hai điểm chúng ta nên ghi nhớ liên quan đến nó. Thứ nhất, con người không chỉ tự

on himself, but has determined its intensity and it duration for himself. He has allowed this desire to reach a certain strength during earth-life, and now he has to meet it and control it. If during physical life he has made efforts to repress or check it, he will have just so much the less difficulty in conquering it now. He has created for himself the monster with which now he has to struggle; whatever strength his antagonist possesses is just what he has given it. Therefore, his fate is not imposed upon him from without, but is simply of his own making.

chuốc lấy nó cho mình, mà còn tự quyết định cường độ và thời gian của nó cho chính mình. Y đã để cho ham muốn này đạt đến một sức mạnh nhất định trong đời sống trần gian, và bây giờ y phải đối mặt và kiểm soát nó. Nếu trong đời sống hồng trần y đã nỗ lực kiềm chế hoặc kiểm soát nó, y sẽ bớt đi bấy nhiêu khó khăn trong việc chinh phục nó bây giờ. Y đã tự tạo ra cho mình con quái vật mà bây giờ y phải đấu tranh; bất kỳ sức mạnh nào mà đối thủ của y sở hữu chính là những gì y đã trao cho nó. Do đó, số phận của y không phải bị áp đặt lên y từ bên ngoài, mà chỉ đơn giản là do chính y tạo ra.

Secondly, the suffering which he thus brings upon himself is the only way of escape for him. If it were possible for him to avoid it, and to pass through the astral life without this gradual wearing away of the lower desires, what would be the result? Obviously that he would enter upon his next physical life entirely under the domination of these passions. He would be a born drunkard, a sensualist, a miser; and long before it would be possible to teach him that he ought to try to control such passions they would have grown far too strong for control – they would have enslaved him, body and soul, and so another life would be thrown away, another opportunity would be lost. He would enter thus upon a vicious circle from which there appears no escape, and his evolution would be indefinitely delayed.

Thứ hai, sự đau khổ mà y tự mang lại cho mình là cách duy nhất để y thoát khỏi. Nếu y có thể tránh được nó, và đi qua đời sống cảm dục mà không có sự bào mòn dần dần các ham muốn thấp kém này, kết quả sẽ là gì? Rõ ràng là y sẽ bước vào đời sống hồng trần tiếp theo hoàn toàn dưới sự thống trị của những đam mê này. Y sẽ là một người nghiện rượu bẩm sinh, một kẻ dâm dục, một kẻ hà tiện; và từ lâu trước khi có thể dạy y rằng y nên cố gắng kiểm soát những đam mê đó, chúng đã trở nên quá mạnh để kiểm soát – chúng sẽ nô dịch y, cả thể xác lẫn linh hồn, và vì vậy một cuộc đời khác sẽ bị vứt bỏ, một cơ hội khác sẽ bị mất đi. Y sẽ bước vào một vòng xoáy tội lỗi mà từ đó dường như không có lối thoát, và sự tiến hóa của y sẽ bị trì hoãn vô thời hạn.

The Divine scheme is not thus defective. The passion exhausts itself during the astral life, and the man returns to physical existence without it. True, the weakness of mind which allowed passion to dominate him is still there; true also, he has made for himself for this new life an astral body capable of expressing exactly the same passions as before, so that it would not be difficult for him to resume his old evil life. But the ego, the real man, has had

Sơ đồ Thiêng liêng không khiếm khuyết như vậy. Đam mê tự cạn kiệt trong đời sống cảm dục, và con người trở lại sự tồn tại hồng trần mà không có nó. Đúng là sự yếu đuối của trí tuệ đã để cho đam mê thống trị mình vẫn còn đó; cũng đúng là y đã tự tạo ra cho đời sống mới này một thể cảm dục có khả năng biểu hiện chính xác những đam mê giống như trước đây, vì vậy sẽ không khó để y tiếp tục cuộc đời xấu xa cũ của mình. Nhưng chân ngã,

a terrible lesson, and assuredly he will make every effort to prevent his lower manifestation from repeating that mistake, from falling again under the sway of that passion.

He has still the germs of it within him, but if he has deserved good and wise parents they will help to develop the good in him and check the evil, the germs will remain unfructified and will atrophy, and so in the next life after that they will not appear at all. So by slow degrees man conquers his evil qualities, and evolves virtues to replace them.

On the other hand, the man who is intelligent and helpful, who understands the conditions of this non-physical existence and takes the trouble to adapt himself to them and make the most of them, opening before him a splendid vista of opportunities both for acquiring fresh knowledge and for doing useful work. He discovers that life away from this dense body has a vividness and brilliancy to which all earthly enjoyment is as moonlight unto sunlight, and that through his clear knowledge and calm confidence the power of the endless life shines out upon all those around him.

He may become a centre of peace and joy unspeakable to hundreds of his fellow men, and may do more good in a few years of that astral existence than ever he could have done in the longest physical life. He is well aware too, that there lies before him another and still grander stage of this wonderful post-mortem life. Just as by his desires and his lower thoughts he has made for himself the surroundings of his astral life, so has he by his higher thought and his nobler aspirations made for himself a life in the heaven-world.

con người thực sự, đã có một bài học khủng khiếp, và chắc chắn Ngài sẽ nỗ lực hết sức để ngăn cản sự biểu hiện thấp hơn của mình lặp lại sai lầm đó, khỏi rơi vào sự thống trị của đam mê đó một lần nữa.

Y vẫn còn những mầm mống của nó bên trong mình, nhưng nếu y xứng đáng có được cha mẹ tốt và khôn ngoan, họ sẽ giúp phát triển cái thiện trong y và kiểm soát cái ác, các mầm mống sẽ không kết trái và sẽ bị teo đi, và vì vậy trong đời sống tiếp theo sau đó chúng sẽ không xuất hiện nữa. Cứ như vậy bằng những bước chậm rãi, con người chinh phục những phẩm tính xấu của mình, và phát triển các đức hạnh để thay thế chúng.

Mặt khác, người thông minh và hay giúp đỡ, người thấu hiểu các điều kiện của sự tồn tại phi hồng trần này và chịu khó thích nghi với chúng cũng như tận dụng chúng một cách tốt nhất, sẽ mở ra trước mắt mình một viễn cảnh huy hoàng về những cơ hội cho cả việc tiếp thu kiến thức mới và làm những công việc hữu ích. Y khám phá ra rằng đời sống rời xa thể xác đậm đặc này có một sự sống động và rực rỡ mà mọi sự tận hưởng trần gian so với nó chỉ như ánh trăng so với ánh mặt trời, và thông qua kiến thức rõ ràng và sự tự tin điềm tĩnh của mình, quyền năng của đời sống vô tận tỏa sáng trên tất cả những người xung quanh y.

Y có thể trở thành một trung tâm của hòa bình và niềm vui không thể tả xiết cho hàng trăm người đồng loại, và có thể làm được nhiều điều tốt đẹp trong vài năm của sự tồn tại cảm dục đó hơn là y có thể làm được trong đời sống hồng trần dài nhất. Y cũng biết rõ rằng trước mắt y còn một giai đoạn khác và thậm chí còn vĩ đại hơn của đời sống sau khi chết tuyệt vời này. Giống như bằng những ham muốn và tư tưởng thấp kém của mình, y đã tự tạo ra môi trường xung quanh cho đời sống cảm dục của mình, thì bằng tư tưởng cao hơn và những

khát vọng cao quý hơn, y đã tự tạo ra cho mình một đời sống trong thế giới thiên thượng.

For heaven is not a dream, but a living and glorious reality. Not a city far away beyond the stars, with gates of pearl and streets of gold, reserved for the habitation of a favoured few, but a state of consciousness into which every man will pass during the interval between lives on earth. Not an eternal abiding-place truly, but a condition of bliss indescribable lasting through many centuries. Not even that alone. For although it contains the reality which underlies all the best and most spiritual ideas of heaven which have been propounded in various religions, yet it must by no means be considered from that view only.

Vì thiên đường không phải là một giấc mơ, mà là một thực tại sống động và huy hoàng. Không phải là một thành phố xa xôi bên kia những vì sao, với những cánh cổng bằng ngọc trai và những con phố bằng vàng, dành riêng cho nơi ở của một số ít người được ưu ái, mà là một trạng thái tâm thức mà mỗi người sẽ bước vào trong khoảng thời gian giữa các kiếp sống trên trái đất. Không phải là một nơi trú ngụ vĩnh cửu thực sự, mà là một trạng thái phúc lạc khôn tả kéo dài qua nhiều thế kỷ. Thậm chí không chỉ có vậy. Vì mặc dù nó chứa đựng thực tại vốn là nền tảng cho tất cả những ý tưởng tốt nhất và tinh thần nhất về thiên đường đã được đề xuất trong các tôn giáo khác nhau, nhưng nó tuyệt đối không được chỉ xem xét từ quan điểm đó.

It is a realm of nature which is of exceeding importance to us – a vast and splendid world of vivid life in which we are living now, as well as in the periods intervening between physical incarnations. It is only our lack of development , only the limitation imposed upon us by this robe of flesh, that prevents us from fully realising that all glory of the brightest heaven is about us here and now, and that influences flowing from that world are ever playing upon us, if we will only understand and receive them.

Đó là một cõi của tự nhiên có tầm quan trọng tột bậc đối với chúng ta – một thế giới rộng lớn và huy hoàng của đời sống sống động mà chúng ta đang sống trong đó ngay bây giờ, cũng như trong các giai đoạn chuyển tiếp giữa các lần lâm phàm hồng trần. Chỉ vì sự thiếu phát triển của chúng ta, chỉ vì sự giới hạn bị áp đặt lên chúng ta bởi lớp áo bằng thịt này, đã ngăn cản chúng ta nhận ra đầy đủ rằng tất cả vinh quang của thiên đường rực rỡ nhất đang ở quanh chúng ta ngay đây và ngay lúc này, và những ảnh hưởng tuôn chảy từ thế giới đó luôn tác động lên chúng ta, nếu chúng ta chịu thấu hiểu và đón nhận chúng.

Impossible as this may seem to the man of the world, it is the plainest of realities to the occultist; and to those who have not yet grasped this fundamental truth we can but repeat the advice given by the Buddhist teacher: - “Do not complain and cry and pray, but open your eyes and see.” The light is all about you, if you would only cast the bandage

Dù điều này có vẻ bất khả thi đối với người của thế gian, nhưng nó là thực tại rõ ràng nhất đối với nhà huyền bí học; và đối với những người chưa nắm bắt được sự thật căn bản này, chúng ta chỉ có thể lặp lại lời khuyên của vị huấn sư Phật giáo: - “Đừng phàn nàn, kêu khóc và cầu nguyện, mà hãy mở mắt ra và nhìn.” Ánh sáng ở khắp xung quanh bạn, nếu bạn chịu vứt bỏ

from your eyes and look. It is so wonderful, so beautiful, so far beyond what any man has dreamt of or prayed for, and it is for ever and ever." ("The Soul of the People ", p. 163).

băng bịt mắt và nhìn. Nó thật tuyệt vời, thật đẹp đẽ, vượt xa những gì bất kỳ ai đã mơ tới hoặc cầu nguyện, và nó là mãi mãi và mãi mãi." ("Linh hồn của Nhân dân", trang 163).

When the astral body, which is the vehicle of the lower thought and desire, has gradually been worn away and left behind, the man finds himself inhabiting that higher vehicle of finer matter which we have called the mental body. In this vehicle he is able to respond to the vibrations which reach him from the corresponding matter in the external world – the matter of the mental plane. His time of purgatory is over, the lower part of his nature has burnt itself away, and now there remain only the higher thoughts and aspirations which he has poured forth during earth-life.

Khi thể cảm dục, vốn là vận cụ của tư tưởng và ham muốn thấp kém, đã dần dần bị bào mòn và để lại phía sau, con người thấy mình cư ngụ trong vận cụ cao hơn bằng vật chất tinh vi hơn mà chúng ta gọi là thể trí. Trong vận cụ này, y có thể đáp ứng với các rung động truyền đến y từ vật chất tương ứng trong thế giới bên ngoài – vật chất của cõi trí. Thời gian thanh luyện của y đã kết thúc, phần thấp kém trong bản chất của y đã tự thiêu rụi, và giờ đây chỉ còn lại những tư tưởng và khát vọng cao hơn mà y đã tuôn đổ trong suốt đời sống trần gian.

These cluster round him, through the medium of which he is able to respond to certain types of vibration in this refined matter. These thoughts which surround him are the powers by which he draws upon the wealth of the heaven world. This mental plane is a reflection of the Divine Mind – a storehouse of infinite extent from which the person enjoying heaven is able to draw just according to the power of his own thoughts and aspirations generated during the physical and astral life.

Những thứ này tụ tập quanh y, thông qua trung gian đó y có thể đáp ứng với một số loại rung động nhất định trong vật chất tinh tế này. Những tư tưởng bao quanh y này là những quyền năng mà y dùng để thu hút sự phong phú của thế giới thiên thượng. Cõi trí này là một sự phản chiếu của Trí của Thượng đế – một kho tàng vô tận mà từ đó người đang hưởng thụ thiên đường có thể thu hút chính xác theo sức mạnh của những tư tưởng và khát vọng của chính mình đã tạo ra trong đời sống hồng trần và cảm dục.

All religions have spoken of the bliss of Heaven, yet few of them have put before us with sufficient clearness this leading idea which alone explains rationally how for all alike such bliss is possible – which is, the keynote of the conception – the fact that each man makes his own heaven by selection from the ineffable splendours of the Thought of God Himself. A man decides for himself both the length and the character of his heaven-life by the causes which he himself generates during his earth-life; therefore, he cannot but

Tất cả các tôn giáo đều nói về phúc lạc của Thiên đường, nhưng ít tôn giáo nào đưa ra cho chúng ta với sự rõ ràng đầy đủ ý tưởng dẫn dắt này, vốn là điều duy nhất giải thích một cách hợp lý làm thế nào mà tất cả mọi người đều có thể có được phúc lạc như vậy – vốn là chủ âm của quan niệm này – thực tế là mỗi người tự tạo ra thiên đường của riêng mình bằng cách lựa chọn từ những vinh quang khôn tả của chính Tư tưởng của Thượng đế. Một người tự quyết định cho mình cả độ dài và tính chất của đời sống thiên thượng bằng những nguyên

have exactly the amount which he has deserved and exactly the quality of joy which is best suited to his idiosyncrasies.

nhân mà chính y tạo ra trong đời sống trần gian; do đó, y không thể không có chính xác lượng mà y đã xứng đáng và chính xác phẩm chất của niềm vui phù hợp nhất với những đặc tính riêng biệt của y.

This is a world in which every being must, from the very fact of his consciousness there, be enjoying the highest spiritual bliss of which he is capable – a world whose power of response to his aspirations is limited only by his capacity to aspire. Further details as to the astral life will be found in the Astral Plane; the heaven life is described in The Devachanic Plane, and information about both is also given in Death and After, and in The Other Side of Death.

Đây là một thế giới mà mọi thực thể, từ chính thực tế tâm thức của y ở đó, phải đang tận hưởng phúc lạc tinh thần cao nhất mà y có khả năng đạt được – một thế giới mà quyền năng đáp ứng với những khát vọng của y chỉ bị giới hạn bởi khả năng khát vọng của chính y. Các chi tiết sâu hơn về đời sống cảm dục sẽ được tìm thấy trong cuốn Cõi Cảm Dục; đời sống thiên thượng được mô tả trong cuốn Cõi Devachan, và thông tin về cả hai cũng được đưa ra trong cuốn Cái chết và Sau đó, và trong cuốn Phía bên kia của Cái chết.

MAN'S PAST AND FUTURE

QUÁ KHỨ VÀ TƯƠNG LAI CỦA CON NGƯỜI

When we have once grasped the fact that man has reached his present position through a long and varied series of lives, a question naturally arises in our minds as to how far we can obtain any information about this earlier evolution, which would obviously be of absorbing interest to us. Fortunately such information is available, not only by tradition, but also in another and much more certain way. I have so space here to dilate upon the marvels of psychometry, but must simply say that there is abundant evidence to show that nothing can happen without indelibly recording itself – that there exists a kind of memory of Nature from which can be recovered with absolute accuracy a true, full, and perfect picture of any scene or event since the world began.

Khi chúng ta đã nắm bắt được thực tế rằng con người đã đạt đến vị trí hiện tại thông qua một chuỗi dài và đa dạng các kiếp sống, một câu hỏi tự nhiên nảy sinh trong tâm trí chúng ta là chúng ta có thể có được bất kỳ thông tin nào về sự tiến hóa sớm hơn này đến mức nào, điều rõ ràng sẽ thu hút sự quan tâm mãnh liệt của chúng ta. May mắn thay, những thông tin như vậy luôn sẵn có, không chỉ qua truyền thống, mà còn theo một cách khác và chắc chắn hơn nhiều. Tôi không có không gian ở đây để bàn luận về những điều kỳ diệu của thuật trắc tâm, nhưng phải nói đơn giản rằng có rất nhiều bằng chứng cho thấy không có gì có thể xảy ra mà không tự ghi lại một cách không thể tẩy xóa – rằng tồn tại một loại ký ức của Tự nhiên mà từ đó có thể phục hồi với độ chính xác tuyệt đối một bức tranh chân thực, đầy đủ và hoàn hảo về bất kỳ cảnh tượng hay sự kiện nào kể từ khi thế giới bắt đầu.

Those to whom this subject is entirely new,

Những người mà chủ đề này hoàn toàn mới

and who consequently seek for evidence, should consult Dr. Buchanan's Psychometry or Professor Denton's Soul of Thins; but all occult students are familiar with the possibility, and most of them with the method, of reading these records of the past. In essence this memory of Nature must be the Divine Memory, far away beyond human reach; but it is assuredly reflected into the lower planes so that, as far as events on these lower planes are concerned, it is recoverable by the trained intelligence of man.

mẻ, và do đó đang tìm kiếm bằng chứng, nên tham khảo cuốn Thuật trắc tâm của Tiến sĩ Buchanan hoặc cuốn Linh hồn của Vạn vật của Giáo sư Denton; nhưng tất cả các học viên huyền bí học đều quen thuộc với khả năng này, và hầu hết họ đều quen thuộc với phương pháp đọc những hồ sơ này của quá khứ. Về bản chất, ký ức này của Tự nhiên phải là Ký ức Thiêng liêng, vượt xa tầm với của con người; nhưng nó chắc chắn được phản chiếu vào các cõi thấp hơn sao cho, liên quan đến các sự kiện trên các cõi thấp này, nó có thể phục hồi được bởi trí tuệ đã được rèn luyện của con người.

All that passes before a mirror, for instance, is reflected on its surface, and to our dim eyes it seems that the images make no impression on that surface, but that each passes away and leaves no trace. Yet that may not be so; it is not difficult to imagine that an impression may be left, somewhat as the impression of every sound is left upon the sensitive cylinder of a phonograph; and it may be possible to recover the impression from the mirror just as it is recoverable from the phonograph.

Ví dụ, tất cả những gì đi qua trước một chiếc gương đều được phản chiếu trên bề mặt của nó, và đối với đôi mắt mờ mịt của chúng ta, dường như các hình ảnh không để lại ấn tượng nào trên bề mặt đó, mà mỗi hình ảnh đều trôi qua và không để lại dấu vết. Tuy nhiên, điều đó có thể không phải như vậy; không khó để tưởng tượng rằng một ấn tượng có thể được để lại, phần nào giống như ấn tượng của mọi âm thanh được để lại trên ống trụ nhạy cảm của một máy hát; và có thể phục hồi ấn tượng từ chiếc gương giống như cách nó có thể phục hồi từ máy hát.

The higher psychometry shows us that this not only may be so, but is so; and that not a mirror only, but any physical object, retains the impression of all that has happened within its sight, as it were. We have thus at our disposal a faultlessly accurate method of arriving at the earlier history of our world and of mankind, and in this way much that is of the most entrancing interest can be observed in every detail, as though the scenes were being specially rehearsed for our benefit. (See Clairvoyance, p 88).

Thuật trắc tâm cao hơn cho chúng ta thấy rằng điều này không chỉ có thể như vậy, mà thực sự là như vậy; và không chỉ chiếc gương, mà bất kỳ vật thể vật chất nào cũng giữ lại ấn tượng của tất cả những gì đã xảy ra trong tầm mắt của nó, có thể nói như vậy. Do đó, chúng ta có sẵn một phương pháp chính xác không sai sót để đi đến lịch sử sớm hơn của thế giới chúng ta và của nhân loại, và theo cách này, nhiều điều thú vị nhất có thể được quan sát trong từng chi tiết, như thể các cảnh tượng đang được diễn tập đặc biệt cho lợi ích của chúng ta. (Xem cuốn Thông nhãn, trang 88).

Investigations into the past conducted by these methods show how a long process of

Các cuộc điều tra về quá khứ được tiến hành bằng các phương pháp này cho thấy một quá

gradual evolution, slow but never-ceasing. They show the development of man under the action of two great laws – first the law of evolution, which steadily presses him onward and upward, and secondly – the law of divine justice, or cause and effect, which brings him inevitably the result of his every action, and thus gradually teaches him to live intelligently in harmony with the first law.

trình tiến hóa dần dần lâu dài, chậm chạp nhưng không bao giờ ngừng nghỉ. Chúng cho thấy sự phát triển của con người dưới tác động của hai định luật lớn – thứ nhất là định luật tiến hóa, vốn không ngừng thúc đẩy y tiến lên và đi lên, và thứ hai – định luật về công lý thiêng liêng, hay nhân quả, vốn mang lại cho y kết quả tất yếu của mọi hành động của mình, và do đó dần dần dạy y sống một cách thông minh hài hòa với định luật thứ nhất.

This long process of evolution has been carried out not only on this earth, but on other globes connected with it; but the subject is much to vast to be fully treated in an elementary book such as this. It forms the principal theme of Madame Blavatsky's monumental work, The Secret Doctrine; but before commencing that students are advised to read the chapters on this subject in Mrs. Besant's Ancient Wisdom and Mr. Sinnett's Growth of the Soul.

Quá trình tiến hóa lâu dài này không chỉ được thực hiện trên Trái Đất này, mà còn trên các bầu hành tinh khác liên kết với nó; nhưng chủ đề này quá rộng lớn để có thể trình bày đầy đủ trong một cuốn sách sơ đẳng như thế này. Nó tạo thành chủ đề chính trong tác phẩm đồ sộ của Bà Blavatsky, Giáo Lý Bí Nhiệm; nhưng trước khi bắt đầu tác phẩm đó, các học viên được khuyên nên đọc các chương về chủ đề này trong cuốn Minh Triết Ngàn Đưa của Bà Besant và cuốn Sự Phát Triển của Linh Hồn của Ông Sinnett.

The book just mentioned will afford the fullest available information not only as to man's past, but as to his future; and thought he glory that awaits him is such as no tongue can tell, something at least may be understood of the earlier stages which lead to it. That man is divine even now, and that he will presently unfold within himself the potentialities of divinity, is an idea which appears to shock some good people, and to be considered by them to savour of blasphemy. Why it should not be so is not easy to see, for Jesus himself reminds the Jews around Him of the saying in their Scriptures, "I said, ye are Gods," and the doctrine of the deification of man was quite commonly held by the Fathers of the Church. But in these later days much of the earlier and purer doctrine has been forgotten and misunderstood; and the truth now seems to be held in its fullness only by the student of

Cuốn sách vừa được đề cập sẽ cung cấp thông tin đầy đủ nhất hiện có không chỉ về quá khứ của con người, mà còn về tương lai của y; và mặc dù vinh quang đang chờ đợi y là điều không ngôn từ nào có thể diễn tả được, nhưng ít nhất chúng ta cũng có thể thấu hiểu đôi chút về các giai đoạn sớm hơn dẫn đến điều đó. Rằng con người là thiêng liêng ngay cả lúc này, và rằng y sẽ sớm khai mở bên trong mình những tiềm năng của thiên tính, là một ý tưởng dường như gây sốc cho một số người tốt, và bị họ coi là có mùi vị báng bổ. Tại sao lại không nên như vậy thì không dễ để thấy, vì chính Đức Jesus đã nhắc nhở những người Do Thái xung quanh Ngài về câu nói trong Kinh Thánh của họ: "Ta đã nói, các ngươi là những vị Thượng đế," và giáo lý về sự thần hóa con người đã từng được các Giáo phụ của Giáo hội nắm giữ khá phổ biến. Nhưng trong những ngày sau này, phần lớn giáo lý sớm hơn và

occultism.

thuần khiết hơn đã bị lãng quên và hiểu lầm; và sự thật hiện nay dường như chỉ được nắm giữ một cách trọn vẹn bởi nhà huyền bí học.

Sometimes men ask why, if man was at the first a spark of the Divine, it should be necessary for him to go through all these æons of evolution, involving so much sorrow and suffering, only in order to be still Divine at the end of it all. But those who make this objection have not yet comprehended the scheme. That which came forth from the Divine was not yet man – not yet even a spark, for there was no developed individualisation in it. It was simply a great cloud of Divine essence, though capable of condensing eventually into many sparks.

Đôi khi người ta hỏi tại sao, nếu ban đầu con người là một tia lửa của Đấng Thiêng Liêng, thì y lại cần phải trải qua tất cả những đại giai kỳ tiến hóa này, bao gồm quá nhiều nỗi buồn và đau khổ, chỉ để cuối cùng vẫn là Đấng Thiêng Liêng. Nhưng những người đưa ra phản đối này vẫn chưa thấu hiểu thiên cơ. Những gì xuất lộ từ Đấng Thiêng Liêng lúc đó chưa phải là con người – thậm chí chưa phải là một tia lửa, vì chưa có sự biệt ngã hóa phát triển trong đó. Nó đơn thuần là một đám mây lớn của tinh chất thiêng liêng, mặc dù có khả năng cuối cùng sẽ ngưng tụ thành nhiều tia lửa.

The difference between its condition when issuing forth and when returning is exactly like that between a great mass of shining nebulous matter, and the solar system which is eventually formed out of it. Its condition when issuing forth and when returning is exactly like that between a great mass of shining nebulous matter, and the solar system which is eventually formed out it. The nebula is beautiful, no doubt, but vague and useless; the suns formed from it by slow evolution pour life and heat and light upon many worlds and their inhabitants.

Sự khác biệt giữa tình trạng của nó khi phát xạ ra và khi trở về chính xác giống như sự khác biệt giữa một khối lớn vật chất tinh vân sáng chói và hệ mặt trời cuối cùng được hình thành từ đó. Tình trạng của nó khi phát xạ ra và khi trở về chính xác giống như sự khác biệt giữa một khối lớn vật chất tinh vân sáng chói và hệ mặt trời cuối cùng được hình thành từ đó. Tinh vân chắc chắn là đẹp, nhưng mơ hồ và vô dụng; những mặt trời được hình thành từ nó qua quá trình tiến hóa chậm chạp tuôn đổ sự sống, hơi ấm và ánh sáng lên nhiều thế giới và cư dân của chúng.

Or we may take another analogy. The human body is composed of countless millions of tiny particles, and some of them are constantly being thrown off from it. Suppose that it were possible for each of these particles to go through some kind of evolution by means of which it would in time become a human being, we should not say that because it had been in a certain sense human at the beginning of that evolution it had, therefore , not gained anything when it reached its end. The essence comes forth as a mere outpouring

Hoặc chúng ta có thể lấy một sự tương đồng khác. Thể xác con người được cấu tạo từ hàng triệu triệu hạt nhỏ vô số, và một số trong đó liên tục bị thải ra khỏi nó. Giả sử rằng mỗi hạt này có thể trải qua một loại tiến hóa nào đó mà qua đó theo thời gian nó sẽ trở thành một con người, chúng ta sẽ không nói rằng vì nó đã là con người theo một nghĩa nào đó vào lúc bắt đầu cuộc tiến hóa đó, nên do đó, nó không đạt được gì khi kết thúc. Tinh chất xuất lộ như một lần tuôn đổ mãnh lực thuần túy, ngay cả khi đó là mãnh lực thiêng liêng; nó trở về dưới

of force, even tough it be Divine force; it returns in the form of thousands of millions of mighty adepts, each capable of himself developing into a Logos.

hình thức hàng ngàn triệu chân sư hùng mạnh, mỗi vị đều có khả năng tự mình phát triển thành một Thượng đế.

Thus it will be seen that we are abundantly justified in the statement that the future of man is a future to whose glory and splendour there is no limit. And a most important point to remember is that this magnificent future is for all without exception. He whom we call the good man – that is, the man whose will moves with the Divine Will, whose actions are such as to help the march of evolution – makes rapid progress on the upward path; while the man who unintelligently opposes himself to the great current by striving to pursue selfish aims instead of working for the good of the whole, will be able to progress only very slowly and erratically.

Vì vậy, cần lưu ý rằng chúng ta hoàn toàn có lý khi khẳng định rằng tương lai của con người là một tương lai mà vinh quang và sự huy hoàng của nó không có giới hạn. Và một điểm tối quan trọng cần nhớ là tương lai tráng lệ này dành cho tất cả mọi người không ngoại lệ. Người mà chúng ta gọi là người tốt – nghĩa là người mà ý chí chuyển động cùng với Ý Chí thiêng liêng, người mà hành động giúp ích cho bước tiến của tiến hóa – sẽ đạt được tiến bộ nhanh chóng trên con đường đi lên; trong khi người nào chống lại dòng chảy vĩ đại một cách thiếu trí tuệ bằng cách cố gắng theo đuổi các mục tiêu ích kỷ thay vì làm việc vì lợi ích của cái toàn thể, sẽ chỉ có thể tiến bộ rất chậm chạp và thất thường.

But the Divine Will is infinitely stronger than any human will, and the working of the great scheme is perfect. The man who does not learn his lesson first time has simply to try over and over and over until he does learn it; the Divine patience is infinite, and sooner or later every human being attains the goal appointed for him. There is no fear and no uncertainty, but only perfect peace for those who know the Law and the Will.

Nhưng Ý Chí thiêng liêng mạnh hơn vô cùng so với bất kỳ ý chí con người nào, và sự vận hành của thiên cơ vĩ đại là hoàn hảo. Người nào không học được bài học của mình ngay lần đầu tiên thì đơn giản là phải thử đi thử lại cho đến khi y học được; sự kiên nhẫn thiêng liêng là vô hạn, và sớm muộn gì mọi con người cũng đạt được mục tiêu đã định cho mình. Không có sự sợ hãi và không có sự không chắc chắn, mà chỉ có sự tĩnh lặng hoàn hảo cho những ai biết Định luật và Ý chí.

CAUSE AND EFFECT

NHÂN VÀ QUẢ

In previous chapters we have constantly had to take into consideration this mighty law of action and reaction under which every man necessarily receives his just deserts; for without this law the rest of the Divine scheme would be incomprehensible to us. It is well worth our while to try to obtain a true appreciation of this law, and the first step

Trong các chương trước, chúng ta đã liên tục phải xem xét định luật vĩ đại về hành động và phản ứng này, mà theo đó mọi người nhất thiết nhận được những gì mình xứng đáng; vì nếu không có định luật này, phần còn lại của thiên cơ sẽ trở nên không thể hiểu nổi đối với chúng ta. Chúng ta rất nên cố gắng đạt được sự đánh giá đúng đắn về định luật này, và bước

towards doing that is to disabuse our minds entirely of the ecclesiastical idea of reward and punishment as following upon human action.

đầu tiên để làm điều đó là giải phóng tâm trí chúng ta hoàn toàn khỏi ý tưởng giáo điều về phần thưởng và hình phạt đi kèm với hành động của con người.

It is inevitable that we should connect with that idea the thought of a judge administering such reward or punishment, and then at once follows the further possibility that the judge may be more lenient in one case than in another, that he may be swayed by circumstances, that an appeal may be made to him, and that in that way the incidence of the law may be modified or even escaped altogether. Every one of these suggestions is in the highest degree misleading, and the whole body of thought to which they belong must be exorcised and utterly cast out before we can arrive at any real understanding of facts.

Chắc chắn chúng ta sẽ kết nối với ý tưởng đó ý nghĩ về một vị thẩm phán ban phát phần thưởng hoặc hình phạt như vậy, và ngay lập tức nảy sinh khả năng xa hơn là vị thẩm phán có thể khoan dung trong trường hợp này hơn trường hợp khác, rằng ngài có thể bị lay chuyển bởi hoàn cảnh, rằng một lời thỉnh cầu có thể được gửi đến ngài, và theo cách đó, sự tác động của định luật có thể được sửa đổi hoặc thậm chí thoát khỏi hoàn toàn. Mỗi gợi ý này đều gây hiểu lầm ở mức độ cao nhất, và toàn bộ hệ thống tư tưởng mà chúng thuộc về phải được trừ bỏ và tống khứ hoàn toàn trước khi chúng ta có thể đi đến bất kỳ sự thấu hiểu thực sự nào về các sự kiện.

If a man put his hand on a bar of red-hot iron, under ordinary circumstances he would be badly burnt; yet it would not occur to him to say that God had punished him for putting his hand on the bar. He would realise that what had happened was precisely what might have been expected under the action of the laws of Nature, and that one who understood what heat is and how it acts could explain exactly the production of the burn.

Nếu một người đặt tay lên một thanh sắt nung đỏ, trong những hoàn cảnh bình thường y sẽ bị bỏng nặng; tuy nhiên y sẽ không nghĩ đến việc nói rằng Thượng đế đã trừng phạt y vì đã đặt tay lên thanh sắt. Y sẽ nhận ra rằng những gì đã xảy ra chính xác là những gì có thể dự đoán được dưới tác động của các quy luật Tự nhiên, và rằng một người hiểu nhiệt là gì và nó tác động như thế nào có thể giải thích chính xác việc tạo ra vết bỏng.

It is to be observed that the man's intention in no way affects the physical result; whether he seized that bar in order to do some harm with it or in order to save someone else from injury, he would be burnt just the same. Of course, in other and higher ways the results would be quite different; in the one case he would have done a noble deed, and would have the approval of his conscience, while in the other he could feel only remorse. But the physical burn would be there in one case just as much as in the other.

Cần lưu ý rằng ý định của con người không ảnh hưởng gì đến kết quả hồng trần; cho dù y nắm lấy thanh sắt đó để gây hại hay để cứu người khác khỏi bị thương, y cũng sẽ bị bỏng như nhau. Tất nhiên, theo những cách khác và cao hơn, kết quả sẽ hoàn toàn khác; trong một trường hợp y đã làm một việc cao cả và sẽ có sự chấp thuận của lương tâm, trong khi ở trường hợp kia y chỉ có thể cảm thấy hối hận. Nhưng vết bỏng hồng trần sẽ hiện diện trong trường hợp này cũng giống như trong trường hợp kia.

To obtain a true conception of the working of this law of cause and effect we must think of it as acting automatically in exactly the same way. If we have a heavy weight hanging from the ceiling by a rope, and I exert a certain amount of force in pushing against that weight, we know by the laws of mechanics that the weight will press back against my hand with exactly the same amount of force; and this reaction will operate without the slightest reference to my disturbing its equilibrium. Similarly the man who commits an evil action disturbs the equilibrium of the great current of evolution; and that mighty current invariably adjusts that equilibrium at his expense.

Để đạt được một quan niệm đúng đắn về sự vận hành của định luật nhân quả này, chúng ta phải nghĩ về nó như đang hoạt động một cách tự động theo cùng một cách chính xác. Nếu chúng ta có một vật nặng treo trên trần nhà bằng một sợi dây, và tôi dùng một lực nhất định để đẩy vật nặng đó, chúng ta biết theo các định luật cơ học rằng vật nặng sẽ ép ngược lại tay tôi với một lực chính xác như vậy; và phản ứng này sẽ vận hành mà không có sự liên quan nhỏ nhất nào đến việc tôi làm xáo trộn sự cân bằng của nó. Tương tự như vậy, người thực hiện một hành động xấu làm xáo trộn sự cân bằng của dòng chảy tiến hóa vĩ đại; và dòng chảy hùng mạnh đó luôn điều chỉnh sự cân bằng đó bằng cái giá mà y phải trả.

It must not be therefore supposed for a moment that the intention of the action makes no difference; on the contrary it is the most important factor connected with it, even though it does not affect the result upon the physical plane. We are apt to forget that the intention is itself a force, and a force acting upon the mental plane, where the matter is so much finer and vibrates so much more rapidly than on our lower level, that the same amount of energy will produce enormously greater effect.

Do đó, không được giả định dù chỉ một khoảnh khắc rằng ý định của hành động không tạo ra sự khác biệt; ngược lại, đó là yếu tố quan trọng nhất liên quan đến nó, ngay cả khi nó không ảnh hưởng đến kết quả trên cõi hồng trần. Chúng ta thường quên rằng bản thân ý định là một mãnh lực, và là một mãnh lực tác động trên cõi trí, nơi mà chất liệu mịn hơn nhiều và rung động nhanh hơn nhiều so với cấp độ thấp của chúng ta, đến mức cùng một lượng năng lượng sẽ tạo ra hiệu quả lớn hơn rất nhiều.

The physical action will produce its result on the physical plane, but the mental energy of the intention will work out its own result simultaneously in the matter of the mental plane, totally irrespective of the other; and its effect is certain to be very much the more important of the two. In this way it will be seen that an absolutely perfect adjustment is always achieved; for however mixed the motives may be, and however good and evil may be mingled in the physical results, the equilibrium will always be perfectly readjusted, and along every line perfect justice must be done.

Hành động hồng trần sẽ tạo ra kết quả của nó trên cõi hồng trần, nhưng năng lượng trí tuệ của ý định sẽ tạo ra kết quả riêng của nó đồng thời trong chất liệu của cõi trí, hoàn toàn độc lập với cái kia; và hiệu quả của nó chắc chắn là quan trọng hơn nhiều trong cả hai. Theo cách này, sẽ thấy rằng một sự điều chỉnh tuyệt đối hoàn hảo luôn đạt được; vì cho dù động cơ có hỗn tạp đến đâu, và cho dù cái thiện và cái ác có trộn lẫn như thế nào trong các kết quả hồng trần, sự cân bằng sẽ luôn được tái điều chỉnh một cách hoàn hảo, và dọc theo mọi dòng, sự công bằng hoàn hảo phải được thực thi.

We must not forget, that it is the man himself and no other who builds his future character as well as produces his future circumstances. Speaking very generally, it may be said that, while his actions in one life produce his environment in the next, his thoughts in the one life are the chief factors in the evolution of his character in the next. The method by which all this works is an exceedingly interesting study, but it would take far too long to detail it here; it maybe found very fully elaborated in Mrs. Besant's manual on Karma, and also in the chapter referring to this subject in her Ancient Wisdom, and in Mr. Sinnett's Esoteric Buddhism, to which the reader may be referred.

Chúng ta không được quên rằng, chính bản thân con người chứ không ai khác là người xây dựng tính cách tương lai của mình cũng như tạo ra các hoàn cảnh tương lai của mình. Nói một cách tổng quát, có thể nói rằng, trong khi các hành động của y trong một kiếp sống tạo ra môi trường của y trong kiếp sau, thì những tư tưởng của y trong một kiếp sống là những yếu tố chính trong sự tiến hóa tính cách của y trong kiếp sau. Phương pháp mà tất cả những điều này vận hành là một nghiên cứu vô cùng thú vị, nhưng sẽ mất quá nhiều thời gian để trình bày chi tiết ở đây; nó có thể được tìm thấy một cách rất đầy đủ trong sách hướng dẫn của Bà Besant về Nghiệp quả, và cũng trong chương đề cập đến chủ đề này trong cuốn Minh Triết Ngàn Đưa của bà, và trong cuốn Phật Giáo Bí Truyền của Ông Sinnett, mà độc giả có thể tham khảo.

It is obvious that all these facts furnish us with exceedingly good reason for many of our ethical precepts. If thought be a mighty power capable of producing upon its own plane results far more important than any that can be achieved in physical life, then the necessity that man should control that force immediately becomes apparent. Not only is the man building his own future character by means of his thought, but he is also constantly and inevitably affecting those around him by its means.

Rõ ràng là tất cả những sự thật này cung cấp cho chúng ta lý do cực kỳ xác đáng cho nhiều giới luật đạo đức của chúng ta. Nếu tư tưởng là một quyền năng hùng mạnh có khả năng tạo ra trên cõi giới riêng của nó những kết quả quan trọng hơn nhiều so với bất kỳ kết quả nào có thể đạt được trong đời sống hồng trần, thì sự cần thiết rằng con người phải kiểm soát mãnh lực đó ngay lập tức trở nên hiển nhiên. Không chỉ con người đang xây dựng tính cách tương lai của chính mình bằng tư tưởng của mình, mà y còn liên tục và tất yếu ảnh hưởng đến những người xung quanh bằng phương tiện đó.

Hence there lies upon him a very serious responsibility as to the use which he makes of this power. If the feeling of annoyance or hatred arises in the heart of the ordinary man, his natural impulse is to express it in some way either in word or in action. The ordinary rules of civilised society, however, forbid him to do that, and dictate that he should as far as possible repress all outward sign of his

Do đó, ở đây có một trách nhiệm rất nghiêm túc đối với y về việc sử dụng quyền năng này. Nếu cảm giác khó chịu hoặc thù hận nảy sinh trong lòng một người bình thường, xung động tự nhiên của y là thể hiện nó theo cách nào đó bằng lời nói hoặc hành động. Tuy nhiên, các quy tắc thông thường của xã hội văn minh cấm y làm điều đó, và ra lệnh rằng y nên kìm nén càng nhiều càng tốt mọi dấu hiệu bên

feelings.

ngoài về cảm xúc của mình.

If he succeeds in doing this he is apt to congratulate himself, and to consider that he has done the whole of his duty. The occult student, however, knows that it is necessary for him to carry his self-control a great deal further than that, and that he must absolutely repress the thought of irritation as well as its outward expression. For he knows that his feelings set in motion tremendous forces upon the astral plane, that these will act against the object of his irritation just as surely as a blow struck upon the physical plane, and that in many cases the results produced will be far more serious and lasting.

Nếu y thành công trong việc này, y thường tự chúc mừng mình và coi rằng mình đã hoàn thành toàn bộ nhiệm vụ. Tuy nhiên, học viên huyền môn biết rằng y cần phải thực hiện sự tự kiểm soát của mình xa hơn thế nhiều, và y phải kìm nén tuyệt đối tư tưởng cáu kỉnh cũng như sự biểu hiện bên ngoài của nó. Vì y biết rằng cảm xúc của mình làm chuyển động những mãnh lực to lớn trên cõi cảm dục, rằng những mãnh lực này sẽ tác động chống lại đối tượng gây cáu kỉnh của y cũng chắc chắn như một cú đấm trên cõi hồng trần, và trong nhiều trường hợp, kết quả tạo ra sẽ nghiêm trọng và lâu dài hơn nhiều.

It is true in a very real sense that thoughts are things. To clairvoyant sight thoughts take definite form and colour, the latter, of course depending upon the rate of vibration connected with them. The study of these forms and colours is of great interest. A description of them illustrated with coloured drawings will be found in the book entitled Thought Forms.

Theo một nghĩa rất thực, tư tưởng là những vật thể. Đối với thông nhãn, tư tưởng có hình dáng và màu sắc xác định, màu sắc sau này tất nhiên phụ thuộc vào tốc độ rung động liên quan đến chúng. Việc nghiên cứu các hình dáng và màu sắc này rất thú vị. Một mô tả về chúng được minh họa bằng các bản vẽ màu sẽ được tìm thấy trong cuốn sách có tựa đề Hình Tư Tưởng.

These considerations open up to us possibilities in various directions. Since it is easily possible to do harm by thought, it is also possible to do good by it. Currents may be set in motion which will carry mental help and comfort to many a suffering friend, and in this way a whole new world of usefulness opens before us. Many a grateful soul has been oppressed by a feeling that for want of physical wealth he was unable to do anything in return for the kindness lavished upon him by another; but here is the method by which he can be of the greatest service to him in a realm where physical wealth or its absence makes no difference.

Những xem xét này mở ra cho chúng ta những khả năng theo nhiều hướng khác nhau. Vì tư tưởng có thể dễ dàng gây hại, nên nó cũng có thể làm điều tốt. Các dòng chảy có thể được chuyển động để mang lại sự giúp đỡ và an ủi về trí tuệ cho nhiều người bạn đang đau khổ, và theo cách này, một thế giới hữu ích hoàn toàn mới mở ra trước mắt chúng ta. Nhiều linh hồn biết ơn đã bị đè nặng bởi cảm giác rằng vì thiếu sự giàu có hồng trần nên họ không thể làm gì để đáp lại lòng tốt mà người khác đã dành cho mình; nhưng đây chính là phương pháp mà y có thể phụng sự đắc lực nhất cho người đó trong một lĩnh vực mà sự giàu có hồng trần hoặc sự thiếu vắng nó không tạo ra sự khác biệt.

All who can think can help others: and all who can help others ought to help. In this case, as in every other, knowledge is power, and those who understand the law can use the law. Knowing what effects upon themselves and upon others will be produced by certain thoughts, they can deliberately arrange to produce these results. In this way a man can not only steadily mould his character in his present life, but can decide exactly what it shall be in the next.

Tất cả những ai có thể suy nghĩ đều có thể giúp đỡ người khác: và tất cả những ai có thể giúp đỡ người khác đều nên giúp đỡ. Trong trường hợp này, cũng như trong mọi trường hợp khác, kiến thức là sức mạnh, và những ai hiểu định luật có thể sử dụng định luật. Biết được những hiệu quả nào đối với bản thân và đối với người khác sẽ được tạo ra bởi những tư tưởng nhất định, họ có thể chủ động sắp xếp để tạo ra những kết quả này. Theo cách này, một người không chỉ có thể rèn luyện tính cách của mình một cách đều đặn trong kiếp sống hiện tại, mà còn có thể quyết định chính xác nó sẽ như thế nào trong kiếp sau.

For a thought is a vibrations in the matter of the mental body, and the same thought persistently repeated evokes corresponding vibrations (an octave higher, as it were) in the matter of the causal body. In this way qualities are gradually built into the soul itself, and they will certainly reappear as part of the stock-in-trade with which he commences his next incarnation.

Vì một tư tưởng là một rung động trong chất liệu của thể trí, và cùng một tư tưởng được lặp đi lặp lại kiên trì sẽ gợi lên những rung động tương ứng (có thể nói là cao hơn một quãng tám) trong chất liệu của thể nguyên nhân. Theo cách này, các phẩm tính dần dần được xây dựng vào chính linh hồn, và chúng chắc chắn sẽ tái hiện như một phần của vốn liếng mà y bắt đầu lần lâm phàm tiếp theo của mình.

It is in this way, by working from below upwards, that the faculties and qualities of the soul are gradually evolved, and thus man takes his evolution largely into his own hands and begins to co-operate intelligently in the great scheme of the Deity. For further information on this subject the best book to study is Mrs. Besant's Thought Power, its Control and Culture.

Chính theo cách này, bằng cách làm việc từ dưới lên trên, các năng lực và phẩm tính của linh hồn dần dần được tiến hóa, và do đó con người nắm lấy sự tiến hóa của mình phần lớn vào tay mình và bắt đầu hợp tác một cách trí tuệ trong thiên cơ vĩ đại của Thượng đế. Để biết thêm thông tin về chủ đề này, cuốn sách tốt nhất để nghiên cứu là cuốn Quyền Năng Tư Tưởng, Sự Kiểm Soát và Tu Dưỡng của Bà Besant.

WHAT THEOSOPHY DOES FOR US

THÔNG THIÊN HỌC LÀM GÌ CHO CHÚNG TA

It must already be obvious to the careful reader how utterly these Theosophical conceptions change the man's entire view of life when he once becomes fully convinced of them ; and the direction of many of these

Chắc hẳn độc giả cẩn thận đã thấy rõ những quan niệm Thông Thiên Học này thay đổi hoàn toàn toàn bộ cái nhìn về cuộc sống của con người như thế nào khi y đã hoàn toàn tin tưởng vào chúng; và hướng của nhiều thay đổi

changes, and the reasons on which they are based, will have been seen from what has already been written.

này, cùng những lý do dựa trên chúng, sẽ được thấy từ những gì đã được viết.

We gain from Theosophy a rational comprehension of that life which was before for so many of us a mere unsolved problem – a riddle without an answer. From it we know why we are here, what we are expected to do, and how we ought to set to work to do it. We see that, however little life may seem worth living for the sake of any pleasures or profits belonging exclusively to the physical plane, it is very emphatically worth living when regarded merely as a school to prepare us for the indescribable glories and the infinite possibilities of the higher planes.

Chúng ta đạt được từ Thông Thiên Học một sự thấu hiểu hợp lý về cuộc sống mà trước đây đối với rất nhiều người trong chúng ta chỉ là một vấn đề chưa có lời giải – một câu đố không có đáp án. Từ đó chúng ta biết tại sao chúng ta ở đây, chúng ta được kỳ vọng phải làm gì, và chúng ta nên bắt tay vào làm như thế nào. Chúng ta thấy rằng, dù cuộc sống có vẻ ít đáng sống vì bất kỳ thú vui hay lợi ích nào thuộc riêng về cõi hồng trần, nhưng nó rất đáng sống khi được coi đơn thuần là một ngôi trường để chuẩn bị cho chúng ta những vinh quang không thể tả xiết và những khả năng vô hạn của các cõi cao hơn.

In the light of the information which we acquire, we see not only how to evolve ourselves, but also how to help others to evolve – how by thought and action to make ourselves most useful, first of all to the small circle of those most closely associated with us or those whom we especially love, and then gradually by degrees, as our power increases, to the entire human race.

Dưới ánh sáng của thông tin mà chúng ta thu được, chúng ta thấy không chỉ cách để tự tiến hóa, mà còn cách để giúp người khác tiến hóa – làm thế nào bằng tư tưởng và hành động để làm cho bản thân trở nên hữu ích nhất, trước hết là đối với vòng tròn nhỏ của những người gắn bó mật thiết nhất với chúng ta hoặc những người chúng ta đặc biệt yêu thương, và sau đó dần dần theo từng cấp độ, khi quyền năng của chúng ta tăng lên, đối với toàn bộ nhân loại.

By feelings and thoughts such as these we find ourselves lifted altogether to a higher platform, and we see how narrow and despicable is the petty and personal thought which has so often occupied us in the past. We inevitably begin to regard everything not merely as it affects our infinitesimal selves, but from the wider standpoint of its influence upon humanity as a whole.

Bằng những cảm xúc và tư tưởng như thế này, chúng ta thấy mình được nâng lên hoàn toàn một nền tảng cao hơn, và chúng ta thấy tư tưởng nhỏ nhen và cá nhân vốn thường chiếm lấy chúng ta trong quá khứ là hẹp hòi và đáng khinh bỉ như thế nào. Chúng ta tất yếu bắt đầu coi mọi thứ không chỉ vì nó ảnh hưởng đến cái tôi vô cùng nhỏ bé của mình, mà từ quan điểm rộng lớn hơn về ảnh hưởng của nó đối với nhân loại nói chung.

The various troubles and sorrows which come to us are so often seen out of all proportion because they are so near to us; they seem to

Những rắc rối và nỗi buồn khác nhau đến với chúng ta thường bị nhìn nhận một cách mất cân đối vì chúng quá gần gũi với chúng ta;

obscure the whole horizon, as a plate held near the eyes will shut out the sun, so that we often forget that "the heart of being is celestial rest." But Theosophical teachings brings all these things into due perspective, and enables us to rise above these clouds, to look down and see things as they are, and not merely as they appear when looked at from below by very limited vision.

chúng dường như che khuất toàn bộ chân trời, giống như một chiếc đĩa đặt gần mắt sẽ che khuất mặt trời, khiến chúng ta thường quên rằng "trái tim của bản thể là sự nghỉ ngơi thiên thượng." Nhưng những giáo huấn Thông Thiên Học đưa tất cả những điều này vào đúng viễn cảnh, và cho phép chúng ta vượt lên trên những đám mây này, để nhìn xuống và thấy mọi vật như chúng là, chứ không chỉ như vẻ ngoài của chúng khi nhìn từ dưới lên bằng tầm nhìn rất hạn hẹp.

We learn to sink altogether the lower personality, with its mass of delusions and prejudices and its inability to see anything truly; we learn to rise to an impersonal and unselfish standpoint, where to do right for right's sake seems to us the only rule of life, and to help our fellowman the greatest of joys. For it is a life of joy that now opens before us. As the man evolves, his sympathy and compassion increase, so that he becomes more and more sensitive to the sin and sorrow and suffering of the world.

Chúng ta học cách từ bỏ hoàn toàn phàm ngã thấp kém, với khối ảo tưởng và định kiến cùng sự không có khả năng nhìn thấy bất cứ điều gì một cách trung thực; chúng ta học cách vươn tới một quan điểm phi cá nhân và không ích kỷ, nơi mà làm điều đúng vì lợi ích của cái đúng dường như là quy luật sống duy nhất đối với chúng ta, và giúp đỡ đồng loại là niềm vui lớn nhất. Vì đó là một cuộc sống tràn đầy niềm vui hiện đang mở ra trước mắt chúng ta. Khi con người tiến hóa, sự đồng cảm và lòng trắc ẩn của y tăng lên, khiến y ngày càng trở nên nhạy cảm hơn với tội lỗi, nỗi buồn và sự đau khổ của thế giới.

Yet at the same time he sees more and more clearly the cause of that suffering, and understands ever more and more fully that, in spite of it all, all things are working together for the final good of all. And so there comes to him not only the deep content and absolute security which is born of the certainty that all is well, but also the definite and radiant joy derived from the contemplation of the magnificent plan of the Logos, and of the steady and unfailing success with which that mighty scheme moves to its appointed end.

Tuy nhiên, đồng thời y ngày càng thấy rõ hơn nguyên nhân của sự đau khổ đó, và thấu hiểu ngày càng trọn vẹn hơn rằng, bất chấp tất cả, mọi sự đang cùng nhau vận hành vì lợi ích cuối cùng của tất cả. Và vì vậy, đến với y không chỉ là sự mãn nguyện sâu sắc và sự an tâm tuyệt đối nảy sinh từ sự chắc chắn rằng mọi sự đều tốt đẹp, mà còn là niềm vui rạng rỡ và xác định có được từ việc chiêm ngưỡng kế hoạch tráng lệ của Thái dương Thượng đế, và từ sự thành công đều đặn và không sai chạy mà thiên cơ hùng mạnh đó tiến tới mục tiêu đã định.

He learns that God means us to be happy, and that it is definitely our duty to be so, in order that we may spread around us vibrations of

Y học được rằng Thượng đế muốn chúng ta hạnh phúc, và đó chắc chắn là nhiệm vụ của chúng ta, để chúng ta có thể lan tỏa xung

happiness upon others, since that is one of the methods by which we may lighten the sorrow of the world. In ordinary life a great part of the annoyance which men feel in connection with their various troubles is often caused by a feeling that they come to them unjustly. A man will say: "Why should all this come to me? There is my neighbour, who is in no way a better man than I, yet he does not suffer from sickness, from loss of friends, or loss of wealth? ; why then should I?"

quanh mình những rung động hạnh phúc lên người khác, vì đó là một trong những phương pháp mà chúng ta có thể làm nhẹ bớt nỗi đau của thế giới. Trong đời sống bình thường, một phần lớn sự khó chịu mà con người cảm thấy liên quan đến những rắc rối khác nhau của họ thường do cảm giác rằng chúng đến với họ một cách bất công. Một người sẽ nói: "Tại sao tất cả những điều này lại đến với tôi? Có người hàng xóm của tôi, y không hề tốt hơn tôi, vậy mà y không phải chịu bệnh tật, mất bạn bè, hay mất mát tài sản; vậy tại sao tôi lại phải chịu?"

Theosophy saves its students from this mistake, since it makes it absolutely clear to them that no undeserved suffering can ever come to any man. Whatever trouble we may encounter is simply of the nature of a debt that we have incurred; since it has to be paid, the sooner it is cleared off the better. Nor is this all; for every trouble is an opportunity for development. If we bear it patiently and bravely, not allowing it to crush us, but meeting it and making the best of it, we thereby evolve within ourselves the valuable qualities of courage, perseverance, determination; and so out of the result of our sins of long ago we bring good instead of evil.

Thông Thiên Học cứu các học viên của mình khỏi sai lầm này, vì nó làm cho họ thấy rõ ràng tuyệt đối rằng không có sự đau khổ không đáng có nào có thể đến với bất kỳ người nào. Bất kỳ rắc rối nào chúng ta gặp phải đơn giản là bản chất của một món nợ mà chúng ta đã mắc phải; vì nó phải được trả, nên càng thanh toán sớm càng tốt. Đây cũng chưa phải là tất cả; vì mỗi rắc rối là một cơ hội để phát triển. Nếu chúng ta chịu đựng nó một cách kiên nhẫn và dũng cảm, không để nó đè bẹp mình, mà đối mặt và tận dụng nó một cách tốt nhất, qua đó chúng ta tiến hóa bên trong mình những phẩm tính quý giá như lòng can đảm, sự kiên trì, quyết tâm; và như vậy từ kết quả của những tội lỗi từ lâu, chúng ta mang lại điều thiện thay vì điều ác.

As has before been stated, all fear of death is entirely removed for the Theosophical student, because he understands fully what death is. He no longer mourns for those who have gone before, because they are still present with him, and he knows that to give way to selfish grief would be to cause sadness and depression to them. Since they are very near to him, and since the sympathy between them and himself is closer than ever before, he is well aware that uncontrolled grief in him will assuredly reflect itself upon them.

Như đã nêu trước đây, mọi nỗi sợ hãi về cái chết đều được loại bỏ hoàn toàn đối với học viên Thông Thiên Học, bởi vì y thấu hiểu đầy đủ cái chết là gì. Y không còn than khóc cho những người đã ra đi, bởi vì họ vẫn hiện diện bên y, và y biết rằng nếu buông xuôi theo nỗi đau buồn ích kỷ sẽ gây ra sự buồn bã và trầm uất cho họ. Vì họ ở rất gần y, và vì sự đồng cảm giữa họ và chính y gần gũi hơn bao giờ hết, y nhận thức rõ rằng nỗi đau buồn không kiểm soát được trong y chắc chắn sẽ phản chiếu lên họ.

Not that Theosophy counsels him to forget the dead; on the contrary, it encourages him to remember them as often as possible, but never with selfish sorrow, never with a longing to bring them back to earth, never with thought of his apparent loss, but only of their great gain. It assures him that a strong loving thought will be a potent factor in their evolution, and that if he will but think rightly and reasonably about them he may render them the greatest assistance in their upward progress.

Không phải Thông Thiên Học khuyên y quên đi người chết; ngược lại, nó khuyến khích y nhớ đến họ càng thường xuyên càng tốt, nhưng không bao giờ với nỗi buồn ích kỷ, không bao giờ với mong muốn đưa họ trở lại trần gian, không bao giờ với ý nghĩ về sự mất mát rõ ràng của mình, mà chỉ về sự đạt được to lớn của họ. Nó cam đoan với y rằng một tư tưởng yêu thương mạnh mẽ sẽ là một yếu tố tiềm tàng trong sự tiến hóa của họ, và rằng nếu y chỉ nghĩ đúng đắn và hợp lý về họ, y có thể giúp đỡ họ rất nhiều trong bước tiến đi lên của họ.

A careful study of the life of man in the period between his incarnations shows how small a proportion this physical life bears to the whole. In the case of the average educated and cultured man of any of the higher races, the period of one life – that is to say of one day in the real life – would average about fifteen hundred years. Of this period perhaps seventy or eighty years would be spent in physical life, some fifteen or twenty upon the astral plane, and all the rest in the heaven-world, which is therefore by very far the most important part of man's existence.

Một nghiên cứu cẩn thận về đời sống con người trong giai đoạn giữa các lần lâm phàm cho thấy đời sống hồng trần này chiếm một tỷ lệ nhỏ như thế nào so với toàn bộ. Trong trường hợp của một người có giáo dục và văn hóa trung bình thuộc bất kỳ giống dân cao hơn nào, giai đoạn của một kiếp sống – nghĩa là của một ngày trong đời sống thực – sẽ trung bình khoảng mười lăm trăm năm. Trong giai đoạn này, có lẽ bảy mươi hoặc tám mươi năm dành cho đời sống hồng trần, khoảng mười lăm hoặc hai mươi năm trên cõi cảm dục, và tất cả thời gian còn lại ở cõi thượng thiên, do đó đây là phần quan trọng nhất trong sự tồn tại của con người.

Naturally these proportions vary considerably for different types of men, and when we come to consider the younger souls, born either in inferior races or in the lower ranks of our own, we find that these proportions are entirely changed, for the astral life is likely to be much longer and the heaven-life much shorter. In the case of the absolute savage there is scarcely any heaven-life at all, because he has not yet developed within himself the qualities which alone enable the man to attain that life.

Tất nhiên những tỷ lệ này thay đổi đáng kể đối với các loại người khác nhau, và khi chúng ta xem xét những linh hồn trẻ hơn, sinh ra trong các giống dân thấp kém hoặc trong các tầng lớp thấp hơn của giống dân chúng ta, chúng ta thấy rằng những tỷ lệ này hoàn toàn thay đổi, vì đời sống cảm dục có khả năng dài hơn nhiều và đời sống thiên thượng ngắn hơn nhiều. Trong trường hợp của một người hoàn toàn hoang dã, hầu như không có đời sống thiên thượng nào cả, bởi vì y chưa phát triển bên trong mình những phẩm tính vốn là điều kiện duy nhất cho phép con người đạt được đời sống đó.

The knowledge of all these facts gives a clearness and certainty to our anticipations of the future which is a welcome relief from the vagueness and indecision of ordinary thought on these subjects. It would be impossible for a Theosophist to have any fears about his "salvation", for he knows that there is nothing for man to be saved from except his own ignorance, and he would consider it the grossest blasphemy to doubt that the will of the Logos will assuredly be fulfilled in the case of every one of his children.

Kiến thức về tất cả những sự thật này mang lại sự rõ ràng và chắc chắn cho những dự đoán của chúng ta về tương lai, vốn là một sự giải tỏa đáng hoan nghênh khỏi sự mơ hồ và thiếu quyết đoán của tư tưởng thông thường về những chủ đề này. Một nhà Thông Thiên Học không thể có bất kỳ nỗi sợ hãi nào về sự "cứu rỗi" của mình, vì y biết rằng không có gì để con người được cứu rỗi ngoại trừ sự vô minh của chính mình, và y sẽ coi đó là sự báng bổ thô thiển nhất nếu nghi ngờ rằng ý chí của Thái dương Thượng đế chắc chắn sẽ được hoàn thành trong trường hợp của mỗi người con của Ngài.

No vague "eternal hope" is his, but utter certainty, born of his knowledge of the eternal law. He cannot fear the future, because he knows the future; so his only anxiety is to make himself worthy to bear his part in the mighty work of evolution. It may well be that there is very little that he can do as yet; yet there is none but can do something, just where he stands, in the circle around him, however lowly it may be.

Y không có "hy vọng vĩnh cửu" mơ hồ nào, mà là sự chắc chắn tuyệt đối, nảy sinh từ kiến thức của y về định luật vĩnh cửu. Y không thể sợ hãi tương lai, vì y biết tương lai; nên mối quan tâm duy nhất của y là làm cho mình xứng đáng để đảm nhận phần việc của mình trong công cuộc tiến hóa vĩ đại. Có thể hiện tại y chưa làm được gì nhiều; nhưng không ai là không thể làm được điều gì đó, ngay tại nơi y đứng, trong vòng tròn xung quanh y, dù nó có thấp kém đến đâu.

Every man has his opportunities, for every connection is an opportunity. Every one with whom we are brought into contact is a soul who may be helped – whether it be a child born into the family, a friend who comes into our circle, a servant who joins our household – everyone gives in some way or other an opportunity. It is not for a moment suggested that we should make ourselves nuisances by thrusting our opinions and ideas upon every one with whom we come in contact, as the more ignorant and tactless of our religious friends sometimes do; but we should be in an attitude of continual readiness to help.

Mọi người đều có những cơ hội của mình, vì mọi mối liên hệ đều là một cơ hội. Mỗi người mà chúng ta tiếp xúc là một linh hồn có thể được giúp đỡ – cho dù đó là một đứa trẻ sinh ra trong gia đình, một người bạn bước vào vòng tròn của chúng ta, một người giúp việc gia nhập gia đình chúng ta – mọi người theo cách này hay cách khác đều mang lại một cơ hội. Không hề có ý kiến cho rằng chúng ta nên làm phiền người khác bằng cách áp đặt ý kiến và ý tưởng của mình lên mọi người mà chúng ta tiếp xúc, như những người bạn tôn giáo thiếu hiểu biết và thiếu tế nhị đôi khi vẫn làm; nhưng chúng ta nên ở trong một thái độ sẵn sàng giúp đỡ liên tục.

Indeed, we should ever be eagerly watching

Thật vậy, chúng ta nên luôn háo hức quan sát

for an opportunity to help, either with material aid, so far as that may be within our power, or with the benefit of our advice or our knowledge, whenever those may be asked for. Often cases arise in which help by word or deed is impossible for us; but there can never be a case in which friendly and helpful thought cannot be poured forth, and none who understands the power of thought will doubt as to its result, even though it may not be immediately visible upon the physical plane.

cơ hội để giúp đỡ, bằng sự trợ giúp vật chất trong khả năng của mình, hoặc bằng lợi ích từ lời khuyên hay kiến thức của mình, bất cứ khi nào những điều đó được yêu cầu. Thường có những trường hợp mà sự giúp đỡ bằng lời nói hoặc hành động là không thể đối với chúng ta; nhưng không bao giờ có trường hợp nào mà tư tưởng thân thiện và hữu ích không thể được tuôn đổ ra, và không ai hiểu được quyền năng của tư tưởng sẽ nghi ngờ về kết quả của nó, ngay cả khi nó có thể không hiển hiện ngay lập tức trên cõi hồng trần.

The student of Theosophy should be distinguishable from the rest of the world by his perennial cheerfulness, his undaunted courage under difficulties, and his ready sympathy and helpfulness. Assuredly, in spite of his cheerfulness he will be one who takes life seriously – one who realises that there is much for each to do in the world, and no time to waste. He will see the necessity for gaining perfect control of himself and his various vehicles, because only in that way can he be thoroughly fitted to help others when the opportunity comes to him.

Học viên Thông Thiên Học nên được phân biệt với phần còn lại của thế giới bởi sự vui vẻ lâu bền, lòng can đảm không nao núng trước những khó khăn, và sự đồng cảm cùng sự sẵn lòng giúp đỡ. Chắc chắn, bất chấp sự vui vẻ của mình, y sẽ là người coi trọng cuộc sống – một người nhận ra rằng có nhiều việc cho mỗi người phải làm trên thế giới, và không có thời gian để lãng phí. Y sẽ thấy sự cần thiết của việc đạt được sự kiểm soát hoàn hảo đối với bản thân và các vận cụ khác nhau của mình, bởi vì chỉ bằng cách đó y mới có thể hoàn toàn phù hợp để giúp đỡ người khác khi cơ hội đến với mình.

He will range himself ever on the side of the higher rather than the lower thought, the nobler rather than the baser; his toleration will be perfect, because he sees the good in all. He will deliberately take the optimistic rather than the pessimistic view of everything, the hopeful rather than the cynical, because he knows that to be always fundamentally the true view – the evil in everything being necessarily the impermanent part, since in the end only the good can endure.

Y sẽ luôn đứng về phía tư tưởng cao hơn thay vì thấp hơn, cao quý hơn thay vì thấp hèn hơn; sự khoan dung của y sẽ là hoàn hảo, bởi vì y thấy điều tốt đẹp trong tất cả. Y sẽ chủ động chọn cái nhìn lạc quan thay vì bi quan về mọi thứ, hy vọng thay vì hoài nghi, bởi vì y biết rằng về cơ bản đó luôn là cái nhìn đúng đắn – cái ác trong mọi thứ nhất thiết là phần không trường tồn, vì cuối cùng chỉ có cái thiện mới có thể tồn tại.

Thus he will look ever for the good in everything, that he may endeavour to strengthen it; he will watch for the working of the great law of evolution, in order that he

Do đó, y sẽ luôn tìm kiếm điều tốt đẹp trong mọi thứ, để y có thể nỗ lực củng cố nó; y sẽ quan sát sự vận hành của định luật tiến hóa vĩ đại, để y có thể đứng về phía nó, và đóng góp

may range himself on its side, and contribute to its energy his tiny stream of force. In this way, by striving always to help, and never to hinder, he will become, in his small sphere of influence, one of the beneficent powers of Nature; in however lowly a manner, at however unthinkable a distance, he is yet a fellow worker together with God – and that is the highest honour and the greatest privilege that can ever fall to the lot of man.

vào năng lượng của nó dòng mãnh lực nhỏ bé của mình. Theo cách này, bằng cách luôn nỗ lực giúp đỡ và không bao giờ cản trở, y sẽ trở thành, trong phạm vi ảnh hưởng nhỏ bé của mình, một trong những quyền năng nhân từ của Tự nhiên; dù theo cách thức thấp kém đến đâu, ở một khoảng cách không thể tưởng tượng được, y vẫn là một người đồng hoạt động cùng với Thượng đế – và đó là vinh dự cao quý nhất và đặc ân lớn nhất có thể đến với con người.